HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày tháng 11 năm 2024*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ (lần 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xin ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1), với một số nội dung chủ yếu như sau:

Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 56.781,850 tỷ đồng, trong đó như sau:

1. Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

2. Ngân sách địa phương: 35.336.120 tỷ đồng, gồm:

- Các nguồn vốn phân thuộc cân đối ngân sách: 32.914 tỷ đồng

- Các nguồn vốn huy động khác ngoài cân đối: 2.000 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Đồng thời, có trách nhiệm theo dõi, hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định và theo dõi khi số vốn được trung ương thông báo chính thức, hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ.... thông qua ngày ... tháng 11 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiểu

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HĐ,250.

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-UBND	*Cần Thơ, ngày tháng 10 năm 2024*

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH
Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ (lần 1)

Căn cứ Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Việc triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh hết sức khó khăn cụ thể:

- Về tình hình thế giới: Xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế của Việt Nam, trong đó các doanh nghiệp có dự án hợp tác với Nga, Ukraine, Belarus và các nước có liên quan trong cuộc khủng hoảng cũng sẽ chịu tác động. Đồng thời, xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine cũng đẩy giá xăng dầu, giá lương thực và lạm phát tăng cao, ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

- Về tình hình trong nước: Đại dịch Covid-19 bùng phát tại Việt Nam vào giữa năm 2021, thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, hết sức khó khăn, vừa sản xuất, vừa chống dịch. Năm 2021, kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP là 2,58%.

1. Công tác chỉ đạo điều hành về thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

a. Đối với trung ương:

Đã ban hành các hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

Ngoài ra, được sự quan tâm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành trung ương đã ban hành nhiều văn bản, kết hợp với tổ chức các cuộc họp, thành lập các Tổ công tác đi khảo sát trực tiếp ngoài công trường và làm việc trực tiếp với từng địa phương nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công. Đặc biệt, trong kỳ trung hạn Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự nhằm tháo gỡ các nút thắt trong quy định hiện hành, để các địa phương triển khai thực hiện được thuận lợi.

b. Đối với địa phương:

Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành các Nghị quyết: số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ; số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ và số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc sửa đổi điểm e Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020

của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quan tâm, ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, cùng với đó với giám sát của Ban thuộc Hội đồng nhân dân thành phố nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong khâu triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Đặc biệt, Ban Thường vụ Thành ủy đã có Quyết định số 1130-QĐ/TU ngày 17 tháng 7 năm 2023 về kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 45/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 98/NQ-CP của Chính phủ, các Tổ công tác này thường xuyên họp mỗi tháng ít nhất 01 lần nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

a) Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Quyết đinh số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố Cần Thơ;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố Cần Thơ.

b) Tình hình giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao đầu tư là 31.313,751 tỷ đồng.

Tính đến tháng 09 năm 2024, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ được giao bổ sung là 44.300,561 tỷ đồng tăng 12.986,810 tỷ đồng so với tổng kế hoạch được giao đầu kỳ trung hạn, chi tiết các nguồn vốn như sau:

Đvt: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đầu kỳ	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến nay	Số vốn tăng	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**31.313.751**	**44.300.561**	**12.986.810**	
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**7.619.151**	**15.199.151**	**7.580.000**	
1	Vốn trong nước	4.903.100	12.483.100	7.580.000	
2	Vốn nước ngoài	2.716.051	2.716.051	-	
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**23.694.600**	**29.101.410**	**5.406.810**	
1	Các nguồn vốn thuộc cân đối ngân sách	20.920.000	22.005.000	1.085.000	
2	Các nguồn vốn huy động khác	2.000.000	2.000.000	-	
3	Dự phòng NSTW 2020	120.000	120.000	-	
4	Chính phủ vay về cho địa phương vay lại	654.600	2.976.410	2.321.810	
5	Trái phiếu chính quyền địa phương		2.000.000	2.000.000	

c) Tình hình giao chi tiết

Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân thành phố giao tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 44.300,561 tỷ đồng.

Đã giao chi tiết là 41.864,121 tỷ đồng, gồm:

- Thành phố quản lý 33.062,121 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 130,495 tỷ đồng.

+ Vốn thực hiện dự án: 32.931,626 tỷ đồng.

- Quận, huyện quản lý theo tiêu chí định mức là 8.802 tỷ đồng.

Số vốn còn lại chưa giao chi tiết là 2.436,440 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 19,505 tỷ đồng.

- Vốn thực hiện dự án: 2.416,935 tỷ đồng, gồm:

+ Các nguồn vốn ngân sách địa phương: 416,935 tỷ đồng.

+ Vốn trái phiếu chính quyền địa phương: 2.000 tỷ đồng.

Tính đến tháng 09 năm 2024, tổng kế hoạch thành phố đã thực hiện 14 lần [1]giao chi tiết, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương.

3. Kế hoạch đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao là 232,113 tỷ đồng, gồm:

- Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ: 40,724 tỷ đồng tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, đã giao chi tiết 4 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Da liễu thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1).

- Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ: 191,389 tỷ đồng tại Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, đã giao chi tiết 600 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho dự án Cải tạo và mở rộng khoa Phẫu thuật gây mê – Hồi sức tích cực – Chống độc Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ.

Việc lập và giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư còn chậm so với quy định. Nguyên nhân là các đơn vị sự nghiệp công lập không có nhân sự chuyên môn về công tác xây dựng cơ bản, các quy định và trình tự thủ tục đầu tư chưa nắm rõ. Từ đó, dẫn đến việc chậm trễ trong công tác trình cấp thẩm quyền giao kế hoạch vốn trung hạn.

4. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2021, 2022, 2023 và ước thực hiện năm 2024 từ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước.

a) Tình hình thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) theo từng nguồn vốn; thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021-2025 theo quy định (nếu có).

Số nợ khối lượng hoàn thành đến nay chưa thanh toán 7,118 tỷ đồng[2], chủ yếu là chủ đầu tư đang lập thủ tục quyết toán dự án hoàn thành, giữ lại chưa thanh

---

[1] Nghị quyết số: 57/NQ-HĐND ngày 15/10/2021; 66/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 15/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; 29/NQ-HĐND ngày 24/8/2022; 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; 04/NQ-HĐND ngày 17/3/2023; 05/NQ-HĐND ngày 17/3/2023; 22/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 23/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 49/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 05/NQ-HĐND ngày 09/04/2024; 13/NQ-HĐND ngày 26/04/2024; 21/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố.

[2] Khu Tái định cư Trung tâm Văn hóa Tây Đô - giai đoạn 1: 2,349 tỷ đồng, Kè sông Cần Thơ (đoạn bến Ninh Kiều - cầu Cái Sơn thuộc quận Ninh Kiều, đoạn cầu Quang Trung - Cầu Cái Răng thuộc Q.Cái Răng): 2,896 tỷ đồng;

toán chờ cấp thẩm cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, phòng ngừa việc thanh toán vượt giá trị được cấp thẩm quyền quyết toán sẽ khó thu hồi từ các nhà thầu và các dự án này đã được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khi được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán và đề xuất của chủ đầu tư sẽ trình Hội đồng nhân dân thành phố giao vốn.

b) Tình hình triển khai thực hiện các dự án dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của thành phố Cần Thơ.

(1). Dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ

(2). Dự án đường Vành đai phía Tây (nối Quốc lộ 91 với QL 61C)

(Chi tiết tình hình triển khai thực hiện dự án theo Phụ lục số I đính kèm)

c) Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023, 2024 dự phòng ngân sách trung ương hằng năm.

(1). Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021:

Thành phố Cần Thơ được bố trí 500 tỷ đồng tại Quyết định 258/QĐ-TTg giao dự toán và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 cho Bộ Giao thông vận tải và 08 địa phương để thực hiện 03 dự án đường bộ cao tốc quan trọng quốc gia theo Nghị quyết số 58/2022/QH15, 59/2022/QH15 và 60/2022/QH15 cho dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ.

Đến ngày 15 tháng 9 năm 2024, đã giải ngân là 276,696 tỷ đồng, đạt 55,34%, ước giải ngân đến ngày 31 tháng 01 năm 2025 là 500 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 100%.

(2). Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023:

Thành phố Cần Thơ được bố trí 250 tỷ đồng tại Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 08 ngày 10 tháng 2023 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) - Giai đoạn 2: đoạn từ kênh Thủy lợi 1 đến đối diện Rạch Ranh.

Đến ngày 15 tháng 9 năm 2024, giá trị giải ngân của dự án là 142,769 / 250 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 57,11% kế hoạch được giao. Ước giá trị thực hiện và giải ngân đến

---

Đường ô tô sau công viên kè sông Cần Thơ: 1,188 tỷ đồng; Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh 922 - giai đoạn 1 (tuyến nhánh QL91 nối quận Ô Môn với huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang): 685 triệu đồng.

ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ hoàn thành dự án là 222 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 88% (do có tiết kiệm trong đầu tư).

d) Số dự án, kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tương ứng (chi tiết dự án nhóm A, B, C):

Trong giai đoạn 2021-2025, thành phố dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng 156 công trình/dự án với tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí là 13.588,348 tỷ đồng (không bao gồm các dự án đầu tư từ nguồn vốn tiêu chí định mức của quận, huyện), cụ thể:

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước chuyển sang: 55 công trình/dự án với số vốn là 3.571,343 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025: 101 công trình/dự án với số vốn là 10.017,005 tỷ đồng.

Ngoài ra, thành phố thực hiện chuyển tiếp 09 dự án sang giai đoạn 2026-2030 với tổng số vốn là 12.274,822 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án chuyển tiếp theo tiến độ: 05 dự án/công trình với tổng số vốn là 11.025,708 tỷ đồng.

- Dự án chậm tiến độ phải chuyển tiếp sang giai đoạn sau: 04 dự án/công trình với tổng số vốn là 1.249,114 tỷ đồng.

(Chi tiết dự án theo phụ lục số II, III đính kèm)

Đồng thời thành phố đã bố trí 130,495 tỷ đồng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể:

- Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: 108 dự án/công trình với số vốn là 67,322 tỷ đồng.

- Nhiệm vụ quy hoạch: 12 đồ án quy hoach với số vốn là 63,623 tỷ đồng.

đ) Tình hình thực hiện tín dụng chính sách, tình hình cho vay theo quy định.

Trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách thành phố dự kiến cấp vốn ủy thác Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ là 342 tỷ đồng. Lũy kế thực hiện năm 2021-2024 đạt 272 tỷ đồng, trong đó:

- Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (ưu tiên cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã có nhu cầu tạo thêm việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình) là 242,5 tỷ đồng (đạt 58,72% kế hoạch).

- Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường tại các phường thuộc quận và thị trấn thuộc huyện (các đối tượng này không được trung ương đầu tư): 26,5 tỷ đồng (đạt 42,06% kế hoạch).

- Cho vay người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Hợp

đồng; trong đó, cho vay theo Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND là 3 tỷ đồng (đạt 100% kế hoạch).

Tổng nguồn vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý được giao đến nay (từ năm 2004 đến nay) đạt 558,521 tỷ đồng, đã thực hiện cho vay đạt 535,691 tỷ đồng, với 14.819 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn, thực hiện thu nợ đạt 238,097 tỷ đồng, dư nợ đạt 547,347 tỷ đồng với 16.226 khách hàng còn dư nợ (hoàn thành 98,03% kế hoạch). Chất lượng tín dụng (nợ quá hạn và nợ khoanh) còn 1,477 tỷ đồng với 87 khách hàng còn dư nợ (Trong đó, nợ quá hạn là 0,398 tỷ đồng (tỷ lệ 0,07%), với 36 khách hàng còn dư nợ; nợ khoanh là 1,079 tỷ đồng (tỷ lệ 0,2%), với 51 khách hàng còn dư nợ).

g) Đánh giá việc thực hiện nguồn vốn ngân sách địa phương.

- Đối với các nguồn vốn cân đối ngân sách (không bao gồm nguồn bội chi ngân sách địa phương): Tổng số vốn đã giao năm 2021-2024 là 15.906,442 / 19.452,200 tỷ đồng, đạt 81,78% kế hoạch được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 72,28% kế hoạch được Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Đối vối nguồn bội chi ngân sách địa phương: Thành phố đã giao hàng năm 2.981,961 tỷ đồng (nguồn vốn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại) để thực hiện các dự án ODA.

- Đối với nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương: Dự kiến trong kỳ thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, thành phố huy động khoảng 2.000 tỷ đồng để thực hiện các dự án đầu tư công. Đến nay, đã huy động được 1.209,720 tỷ đồng, đạt 60,49% kế hoạch (chưa bao gồm 445,161 tỷ đồng nguồn thu vượt sử dụng đất và vượt xổ số kiến thiết năm 2023).

- Đối với việc cam kết vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): Thành phố Cần Thơ được trung ương hỗ trợ vốn đầu tư 16 dự án với tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được bố trí là 12.449,356 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương là 9.248,1 tỷ đồng, ngân sách địa phương cam kết đối ứng là 3.201,256 tỷ đồng. Đến nay, ngân sách địa phương đã giao chi tiết hàng năm là 2.731,373 tỷ đồng, đủ nhu cầu triển khai thực hiện dự án, không có trường hợp dự án chậm tiến độ do không được bố trí vốn ngân sách địa phương kịp thời.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển.

Về thu hút đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): có 6 dự án mới được chấp thuận chủ trương mới với diện tích khoảng 19,69 ha với tổng vốn đầu tư

30.209,6 tỷ, hiện thành phố có 91 dự án đang triển khai thực hiện với tổng diện tích khoảng 1.998,8 ha.

Về thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): thực hiện cấp mới 17 giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 1,55 tỷ USD, có 06 lượt điều chỉnh tăng vốn 55,95 triệu USD và thực hiện chấm dứt hoạt động 15 dự án, tổng vốn đăng ký 16 triệu USD. Lũy kế ước đến cuối năm 2023, có 84 dự án FDI, tổng vốn đầu tư đăng ký 2,32 tỷ USD, vốn thực hiện 619,16 triệu USD, chiếm 26,7% tổng vốn đăng ký.

Về hoạt động các khu công nghiệp: đã thu hút 10 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký 198,41 triệu USD; thành phố có 258 dự án còn hiệu lực (trong đó có 221 dự án đang hoạt động, 15 dự án đang xây dựng, 05 dự án chưa xây dựng, 17 dự án ngưng hoạt động), với tổng vốn đầu tư đăng ký 1.868 triệu USD; vốn đầu tư đã thực hiện 1.105 triệu USD, chiếm 59,2% tổng vốn đầu tư đăng ký; tổng số lao động làm việc tại các khu công nghiệp 41.569 lao động. Việc triển khai các dự án giao thông kết nối liên vùng và nội ô thành phố Cần Thơ góp phần thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư. Đặc biệt với việc triển khai dự án Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh do Nhà đầu tư VSIP thực hiện có tiền đề quan trọng để các nhà đầu tư tiềm năng tiếp tục tham gia đầu tư trên đại bàn.

5. Một số kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư.

(1) Giao thông: Cơ bản hoàn thành nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh trọng điểm kết nối các quận/huyện trên địa thành phố Cần Thơ với các tuyến quốc lộ, cao tốc đi qua thành phố Cần Thơ tạo thành trục giao thông liên hoàn nhằm kết nối các tỉnh An Giang – Thành phố Cần Thơ – Hậu Giang và mở ra không gian phát triển mới tại các tuyến đường đã được đầu tư.

(2) Nông nghiệp, thủy lợi: Cơ bản khắc phục các điểm sạt lở trên địa bàn thành phố, kết hợp với bảo vệ và tạo cảnh quan xanh – sạch - đẹp, đặc trưng của vùng đô thị sông nước, chống lấn chiếm mặt sông của người dân. Nạo vét các kênh trục nhằm phòng chống hạn, cung cấp đủ nước ngọt, nước sạch, khai thác hiệu quả kinh tế trong mùa lũ.

(3). Tài nguyên và Môi trường: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính, quản lý đất đai chặt chẽ, hiệu quả trên địa bàn thành phố; Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, quản lý và cảnh báo sự cố môi trường.

(4) Y tế: Phát triển, hoàn thiện dần hệ thống bệnh viện chuyên khoa, có trang thiết bị hiện đại, từng bước trở thành trung tâm y tế chuyên sâu, chất lượng cao trong khám và điều trị bệnh của vùng. Hoàn chỉnh và nâng chất hệ thống y tế cơ

sở, hướng tới mục tiêu mọi người dân được chăm sóc y tế công bằng, hiệu quả và hưởng thụ dịch vụ y tế kỹ thuật cao, giảm tải bệnh viện tuyến trên.

(5) Giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề: Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề được đầu tư hiện đại. Đảm bảo đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nghề chuyên sâu, phục vụ phát triển thành phố, các tỉnh trong vùng. Tiếp tục đầu tư hướng tới mục tiêu hoàn thành 100% các trường đạt chuẩn Quốc gia, đầu tư trọng điểm.

(6) Khoa học, Công nghệ: Nâng cao năng lực, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học, công nghệ, nâng cấp thương hiệu, hàm lượng KHCN trong các sản phẩm của thành phố, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, tính cạnh tranh của sản phẩm, sàn giao dịch KHCN, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, cung ứng dịch vụ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao.

(7) Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Trùng tu, tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, đặc biệt các khu di tích cấp Quốc gia. Kết hợp phát triển các điểm tham quan, nghiên cứu văn hóa, lịch sử của thành phố và của vùng, gắn với phát triển du lịch.

(8) Lĩnh vực xã hội: Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng xã hội yếu thế.

(9) Công nghệ thông tin, thông tin báo chí và phát thanh truyền hình: Từng bước hoàn thiện công tác xây dựng chính quyền điện tử, công nghệ số đồng bộ với cải cách hành chính trong xu thế cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số; chia sẻ thông tin với người dân, doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ, kết nối, liên thông và tránh đầu tư trùng lắp. Xây dựng mới Thư viện thành phố theo hướng hiện đại, đặc trưng, tạo điểm nhấn trong trung tâm thành phố. Đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị; phù hợp với lộ trình chuyển đổi số hóa theo đúng quy hoạch, tiến độ phát triển ngành phát thanh và truyền hình.

(10) Cấp nước nông thôn: Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sạch cho người dân, đặc biệt là vùng nông thôn trong bối cảnh hạn, mặn diễn biến phức tạp, diện rộng, xâm nhập sâu. Tăng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

(11). Quản lý Nhà nước: Thực hiện xây dựng và di dời theo lộ trình các cơ quan hành chính. Sửa chữa, nâng cấp một số trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập xuống cấp, thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính phục vụ, xây dựng chính quyền điện tử.

(12) Quốc phòng, An ninh: Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng hiện đại cho lực lượng vũ trang; Nâng cao năng lực huấn luyện,

sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ trong mọi tình huống.

(13) Xây dựng các khu tái định cư: Cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, cũng thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố khi có quỹ nền tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

6. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các giải pháp xử lý.

6.1 Tồn tại, hạn chế:

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công tuy có tăng qua từng năm nhưng vẫn còn thấp, chưa đạt so với yêu cầu. Đặc biệt là nguồn vốn ODA, tỷ lệ giải ngân rất thấp, hàng năm phải xin điều chuyển về trung ương.

- Việc triển khai lập các thủ tục đầu tư, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án còn chậm. Từ đó, dẫn đến việc giao chi tiết kế hoạch vốn hàng năm cho các dự án khởi công mới từ nguồn vốn chưa kịp thời.

- Tình trạng tăng tổng mức đầu tư còn diễn ra nhiều và số vốn lớn, ảnh hưởng đến cân đối chung của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc các nguồn vốn ngân sách địa phương.

6.2 Nguyên nhân:

6.2.1 Nguyên nhân khách quan:

***Về xã hội:**

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thành phố thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội nên ảnh hưởng tới công tác huy động các nguồn lực thực hiện dự án, một số chính sách miễn, giảm, giãn thuế của trung ương nên nguồn thu ngân sách thành phố hụt thu khá lớn so với dự toán được giao. Từ đó, thành phố Cần Thơ giảm kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2021 các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao để bù đắp hụt thu ngân sách địa phương với số vốn là 1.338,228 tỷ đồng.

- Theo quy định sau khi dự án được bố trí vốn mới triển khai các thủ tục như kiểm kê, đo đạc… mà công tác giải phóng mặt bằng theo quy định nhanh nhất cũng phải từ 7-9 tháng, trường hợp có người dân khiếu nại về giá, chính sách bồi thường hoặc tranh chấp sẽ còn kéo dài. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư công sử dụng vốn trong nước tiếp giáp với dự án ODA thường tăng chi phí giải phóng mặt bằng do bắt buộc phải áp dụng khung chính sách giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của các Nhà tài trợ và người dân sẽ so sánh về giá và chính sách giữa các dự án sử dụng vốn trong nước và vốn ODA. Từ đó, làm chi phí giải phóng mặt bằng các dự án sử

dụng vốn trong nước sẽ tăng nhiều, tăng áp lực bố trí vốn từ ngân sách địa phương, nhiều dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do tăng chi phí đền bù so với dự án được duyệt.

- Bên cạnh đó, trước biến động tăng giá vật liệu xây dựng, khan hiếm cát san lấp trong thời gian dài cũng phần nào ảnh hưởng đến kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

***Về chính sách pháp luật:**

- Trong thời gian qua, việc thực hiện Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có một số khó khăn vướng mắc. Do đó, trong năm 2021, hàng loạt các chính sách pháp luật mới của nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14), Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng... Theo các quy định sửa đổi, bổ sung thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh và một số thủ tục khác đã thay đổi, làm ảnh hưởng đến tiến độ duyệt hồ sơ, tiến độ thi công và tiến độ giải ngân của các dự án.

- Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Do đó, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp huyện, xã cũng phải trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nên mất nhiều thời gian và việc kiểm tra giám sát cũng gặp nhiều khó khăn.

6.2.2 Nguyên nhân chủ quan:

- Một số dự án có số vốn chiếm tỷ trọng lớn phải tiến hành điều chỉnh thủ tục đầu tư nhưng do việc tổ chức thực hiện các thủ tục triển khai chậm, nên chậm giải ngân kế hoạch vốn như: Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị, dự án Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ quy mô 500 giường, dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ...

- Công tác khảo sát, thu thập số liệu để lập chủ trương đầu tư, dự án đầu tư chưa chuẩn xác, đặc biệt là việc khái toán kinh phí hỗ trợ, bồi thường và tái định cư còn thấp so với giá thị trường, dẫn đến khi vào triển khai thực hiện thì rất nhiều dự án có kinh phí bồi thường thực tế tăng rất nhiều so với quyết định đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Từ đó, phải thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, mất

nhiều thời gian và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; đồng thời đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc cân đối vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 của thành phố.

- Kết quả triển khai thực hiện các dự án Khu tái định cư chậm (thành phố thiếu quỹ nền tái định cư), trong khi yêu cầu của người dân là phải có nền tái định cư để thực hiện di dời, bàn giao mặt bằng thi công.

- Một số dự án chuyển đổi chủ đầu tư nên cần thời gian tiếp nhận, bàn giao hồ sơ và tiếp tục triển khai thực hiện giữa các đơn vị có liên quan, có trường hợp phải thực hiện điều chỉnh thiết kế kỹ thuật – dự toán để phù hợp với tình hình thực tế nên chậm triển khai thực hiện: Dự án Đường Thắng Lợi 1 (Bờ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc đến Sáu Bọng, dự án Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ...

- Một số chủ đầu tư, đơn vị tư vấn năng lực còn hạn chế, chưa lường được hết các vướng mắc trong khâu lập dự án đầu tư, lập thiết kế kỹ thuật – dự toán, dẫn đến chậm phê duyệt dự án, tổ chức đấu thầu không đảm bảo thời gian theo kế hoạch đã được duyệt.

7. Tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Về nguồn lực thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025, theo Nghị quyết 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, thành phố Cần Thơ là một trong các địa phương không được hỗ trợ từ ngân sách trung ương, do đó thành phố đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện thực hiện các CTMTQG từ 100% ngân sách địa phương theo quy định và thực hiện lồng ghép vào các dự án đầu tư công đang triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2025. Đến nay, đạt được một số kết quả như sau:

7.1 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020, Số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, Số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ, trong đó ưu tiên sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết để đầu tư các dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

(1). Về xã nông thôn mới: Đã đạt 36/36 xã đạt xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, đạt tỷ lệ 100%.

(2). Về xã nông thôn mới nâng cao: Ước đến cuối năm 2024 đạt 36/36 xã đạt xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, đạt tỷ lệ 100%.

(3). Về xã nông thôn mới kiểu mẫu: Ước đến cuối năm 2024 công nhận 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Về nguồn vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố và các địa phương bố trí cho 536 công trình/dự án phục vụ công tác xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu với số vốn là 2.868,703 tỷ đồng, gồm:

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 04 dự án/ công trình với số vốn là 456 tỷ đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh: 78 dự án/ công trình với số vốn là 506,823 tỷ đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai: 186 dự án/ công trình với số vốn là 706,222 tỷ đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền: 187 dự án/ công trình với số vốn là 695,378 tỷ đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ: 81 dự án/ công trình với số vốn là 504,280 tỷ đồng.

7.2. Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ được thực hiện chủ yếu từ nguồn vốn chi thường xuyên, được thực hiện lồng ghép các nội dung của Chương trình trong thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị tổng kinh phí là 538,003 tỷ đồng; phân theo nguồn như sau:

- Ngân sách thành phố: 40,259 tỷ đồng
- Nguồn vốn vay ưu đãi: 472,224 tỷ đồng
- Huy động cộng đồng: 25,520 tỷ đồng

Đến nay đã đạt được một số kết quả như sau:

- Giảm 0,06% tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2024 còn 0,15% so với hộ dân; giảm 0,06% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cuối năm 2024 còn 0,47% so với hộ dân tộc thiểu số; phấn đấu giảm ít nhất 219 hộ nghèo so với đầu năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, giảm ít nhất 06 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Duy trì và nhân rộng 31 mô hình sinh kế giảm nghèo nhằm tạo việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7.3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Tổng kinh phí lồng ghép thực hiện Chương trình đến nay là 20,124 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư thành phố: 14,325 tỷ đồng thực hiện đầu tư, nâng cấp Trường Phổ thông Dân tộc nội trú thành phố Cần Thơ (tiểu dự án 1, dự án 5).

- Vốn sự nghiệp thành phố: 5,679 tỷ đồng;

- Vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội: 100 triệu đồng;

- Vốn huy động: 20 triệu đồng.

Đến nay đã đạt được một số kết quả như sau:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo: từ cuối năm 2022, trên địa bàn thành phố có 113 hộ nghèo dân tộc thiểu số, chiếm 1,14% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số và đến nay số hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm còn 54 hộ, chiếm tỷ lệ 0,53% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số (giảm 0,61%, vượt 203,3% mục tiêu kế hoạch).

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường: 99,06%, vượt 101% kế hoạch.

- Học sinh trong độ tuổi học tiểu học 100%: đạt 100% kế hoạch.

- Học trung học cơ sở: 95,2%, vượt 100,7% kế hoạch.

- Học trung học phổ thông: 70%, đạt 98,6% kế hoạch.

- Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 96,88%, đạt 98,86% kế hoạch.

- 100% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế: vượt 106% kế hoạch.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ 6,3%, vượt 150,7% kế hoạch

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS: 50,2%, đạt 91,27% kế hoạch.

- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể:

+ Đối với đất ở: thực hiện bố trí đất ở cho các hộ đủ điều kiện (dự kiến 59 hộ) vào các khu dân cư dân tộc thiểu số tại huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh và quận Ô Môn.

+ Đối với nhà ở: tiếp tục hỗ trợ xây dựng 04 căn nhà từ nguồn vốn vận động xã hộ hóa, quỹ vì người nghèo.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thành phố Cần Thơ đã triển khai giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho 04 dự án[3] thuộc Chương trình từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với tổng số vốn là 2.355,047 tỷ đồng (Vốn ngân sách trung ương: 1.095 tỷ đồng; Vốn ngân sách địa phương: 1.260,047 tỷ đồng). Trong đó, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình được phân bổ 1.095 tỷ đồng tại Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 10/10/2022 và số 202/QĐ-TTg ngày 08/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao 5.087 tỷ đồng, trong đó: ngân sách trung ương 4.087 tỷ đồng (gồm: 837 tỷ đồng vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3.250 tỷ đồng từ ngân sách trung ương); ngân sách địa phương 1.000 tỷ đồng. Lũy kế vốn bố trí hàng năm đã giao là 3.670 tỷ đồng, lũy kế giải ngân đến nay là 3.055,112 tỷ đồng tỷ đồng, đạt 83,97% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 581,888 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024.

- Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn cầu Xẻo Mây – cầu Rạch Chùa), quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao 272,447 tỷ đồng, trong đó: ngân sách trung ương 100 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; ngân sách địa phương 172,447 tỷ đồng. Lũy kế vốn bố trí hàng năm đã giao là 175,152 tỷ đồng, lũy kế giải ngân đến nay là 157,093 tỷ đồng tỷ đồng, đạt 89,69%

---

[3] (1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn TPCT;
(2) Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn cầu Xẻo Mây – cầu Rạch Chùa), quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ;
(3) Dự án nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ;
(4) Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 18,059 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024

- Dự án Dự án nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao 110 tỷ đồng, trong đó: ngân sách trung ương 105 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; ngân sách địa phương 05 tỷ đồng. Lũy kế vốn bố trí hàng năm đã giao là 5,5 tỷ đồng, lũy kế giải ngân đến nay là 500 triệu đồng tỷ đồng, đạt 9,09% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 05 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024

- Dự án Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao 135,6 tỷ đồng, trong đó: ngân sách trung ương 53 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; ngân sách địa phương 82,6 tỷ đồng. Lũy kế vốn bố trí hàng năm đã giao là 5,7 tỷ đồng, lũy kế giải ngân đến nay là 700 triệu đồng tỷ đồng, đạt 12,28% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 05 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024

- Để đảm bảo tình hình giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương kịp thời, thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 7890/BKHĐT-TH ngày 22/9/2023 về việc điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được bố trí dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 giao kế hoạch vốn 158 tỷ đồng nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được bố trí ngân sách trung ương năm 2023 và Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước).

Đến nay, thành phố Cần Thơ đã thực hiện giao chi tiết cho các dự án và giải ngân hết số vốn là 1.095 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Trong năm 2024-2025, thành phố sẽ bố trí hoàn trả 158 tỷ đồng vốn đã điều chuyển năm 2023 về các dự án thuộc Chương trình theo đúng Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội, từ các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn thành dự án theo kế hoạch.

III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026-2030:

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của thành phố, phù hợp với quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023.

b) Vốn đầu tư công được tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ lớn, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

Ưu tiên bố trí vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng mở rộng, xây dựng mới các khu tái định cư tại các địa phương theo các quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương được duyệt. Tiếp tục ưu tiên sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực Y tế, giáo dục đào tạo và dạy nghề.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách thành phố xây dựng các khu tái định cư nhằm thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các dự án trên địa bàn thành phố.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

2. Về nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030, quy hoạch thành phố Cần Thơ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023. Trong đó chú trọng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 (nếu có), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định (nếu còn).

Không bố trí vốn cho chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định.

Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026-2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

3. 1. Cơ sở dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn:

Theo WB dự báo, nền kinh tế Việt Nam được tăng trưởng 5,5% trong năm 2024 và sẽ tăng lên 6% trong năm 2025. Dự báo này dựa trên giả định xuất khẩu các mặt hàng chế tạo sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2024 (tăng 3,5% theo giá so sánh, so cùng kỳ năm trước), khi nhu cầu trên toàn cầu từng bước được cải thiện. Thị trường bất động sản được dự báo sẽ xoay chiều vào cuối năm 2024 và trong năm 2025 khi tình trạng đóng băng ở thị trường trái phiếu có dấu hiệu được giải tỏa. Ngoài ra, do tác động của biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế. Trên cở sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến nguồn vốn được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu, số liệu dự báo của giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Tăng trưởng GRDP ở mức 7,5-8%/năm;
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng không quá 4%/năm;
- Chỉ số tăng thu ngân sách hàng năm tương đương với giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ số tăng vốn đầu tư công tăng bình quân cho cả giai đoạn khoảng 7%/năm (lấy năm gốc là năm 2024);

- Đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu vốn trở lên.

3.2. Nhu cầu và khả năng huy động các nguồn vốn:

a) Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 5 năm 2026-2030:

Qua tổng hợp đề nghị của các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, tổng nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 76.404 tỷ đồng.

(Chi tiết dự án theo phụ lục số IV đính kèm)

b) Dự kiến vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

Dự kiến tổng vốn đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 56.781,850 tỷ đồng, tăng 12.481.289 tỷ đồng so với số vốn được giao của giai đoạn 2021-2025; đáp ứng 74,64% nhu cầu (giai đoạn 2016-2020 đáp ứng khoảng 60% nhu cầu). Dự kiến các nguồn vốn như sau:

Đvt: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2026-2030	Số vốn tăng/giảm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**44.300.561**	**56.781.850**	**12.481.289**	
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**15.199.151**	**21.445.730**	**6.246.579**	
1	Vốn trong nước	12.483.100	16.134.380	3.651.280	
2	Vốn nước ngoài	2.716.051	5.311.350	2.595.299	
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**29.101.410**	**35.336.120**	**6.234.710**	
1	Các nguồn vốn thuộc cân đối ngân sách	22.005.000	32.914.000	10.909.000	
2	Các nguồn vốn huy động khác	2.000.000	2.000.000	-	
3	Dự phòng NSTW 2020	120.000		(120.000)	
4	Chính phủ vay về cho địa phương vay lại	2.976.410	422.120	(2.554.290)	
5	Trái phiếu chính quyền địa phương	2.000.000		(2.000.000)	

c) Dự kiến phân bổ như sau:

Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 56.781,850 tỷ đồng, dự kiến phân bổ như sau:

- Nguồn vốn không phân chia là 23.867,850 tỷ đồng, gồm:

+ Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

+ Các nguồn vốn huy động khác ngoài cân đối: 2.000 tỷ đồng.

+ Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

- Nguồn vốn phân chia theo tiêu chí định mức là 32.914 tỷ đồng, gồm:

+ Thành phố quản lý (65%): 21.394,100 tỷ đồng.

+ Quận, huyện quản lý (35%)[4]: 11.519,900 tỷ đồng (tăng 2.717,9 tỷ đồng so với giai đoạn 2021-2025).

d) Dự kiến phân bổ nguồn vốn do thành phố quản lý:

Dự kiến tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 do thành phố quản lý là 45.261,950 tỷ đồng, gồm:

+ Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

+ Ngân sách địa phương: 23.394,100 tỷ đồng (bao gồm 2.000 tỷ đồng dự kiến huy động ngoài cân đối).

+ Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

e) Dự kiến phân bổ chi tiết cho các dự án/nhiệm vụ đầu tư công

Dự kiến tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 do thành phố quản lý là 45.261,950 tỷ đồng, phân bổ như sau:

- Dự phòng (dành để bố trí cho các dự án cấp bách và các phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch, đặc biệt là các dự án phòng chống thiên tai, Quốc phòng – An ninh và các nhiệm vụ khác theo quy định): 1.000 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 100 tỷ đồng;

- Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất thành phố: 500 tỷ đồng;

- Cấp vốn điều lệ cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 500 tỷ đồng;

- Bố trí vốn cho 117 dự án đầu tư công với số vốn là 43.161,950 tỷ đồng, gồm các lĩnh vực sau:

(1). Giao thông:

- Dự án chuyển tiếp: 05 dự án, số vốn bố trí là 11.155,843 tỷ đồng.

---

[4] Với tỷ lệ phân chia mới vẫn đảm bảo số vốn tiêu chí định mức của quận, huyện tăng trên 45% so với giai đoạn 2021-2025.

- Dự án khởi công mới: 07 dự án, số vốn bố trí là 17.757,769 tỷ đồng.

(2). Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản: 10 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 3.626,960 tỷ đồng.

(3). Y tế, dân số:

- Dự án hoàn thành, chuyển tiếp: 03 dự án, số vốn bố trí là 167,721 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 04 dự án, số vốn bố trí là 1.610,910tỷ đồng.

(4). Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 973,385 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 10 dự án, số vốn bố trí là 3.263,560 tỷ đồng.

(5). Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 521,916 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 06 dự án, số vốn bố trí là 1.884,683 tỷ đồng.

(6). Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

- Dự án chuyển tiếp: 01 dự án, số vốn bố trí là 73,040 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 19 dự án, số vốn bố trí là 770,324 tỷ đồng.

(7). Bảo tàng: 01 dự án chuyển tiếp, số vốn bố trí là 1,653 tỷ đồng.

(8). Xã hội: 03 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 300 tỷ đồng.

(9). Quốc phòng: 09 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 138,800 tỷ đồng.

(10). An ninh và trật tự, an toàn xã hội: 07 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 218,877 tỷ đồng.

(11). Văn hóa - Thể dục thể thao: 18 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 196 tỷ đồng.

(12). Khoa học, Công nghệ:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 57,602 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 01 dự án, số vốn bố trí là 30,163 tỷ đồng.

(13). Kho tàng: 01 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 30,5 tỷ đồng.

(14). Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 01 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 50 tỷ đồng.

(15). Thông tin, Công nghệ thông tin: 03 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 149,187 tỷ đồng.

(16). Tài nguyên, Môi trường: 02 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 182,051 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục dự án theo phụ lục số V đính kèm)

Ngoài ra, còn 60 dự án chưa cân đối được nguồn vốn đầu tư với nhu cầu tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 13.416 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục dự án theo phụ lục số VI đính kèm)

4. Dự kiến kết quả đạt được

Với dự kiến phương án huy động vốn và phân bổ chi tiết nêu trên, trong giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ dự kiến đạt được một số kết quả như sau:

a) Về giao thông: Cơ bản hoàn chỉnh các dự án giao thông kết nối liên vùng, kết nối các khu công nghiệp tại Vĩnh Thạnh như: Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Quốc lộ 80); Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ; Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ; Đường tỉnh 920 (đoạn từ giao với đường Đặng Thanh Sử đến rạch Ô Môn) và nâng cấp mở rộng đường Đặng Thanh Sử; Xây dựng hoàn chỉnh đường Nguyễn Văn Cừ nối dài giai đoạn 2 (đoạn từ Mỹ Khánh đến Phong Điền), thành phố Cần Thơ; Đường dẫn vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)...

b) Về hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, khu đô thị mới: Đầu tư xây dựng mở rộng, xây dựng mới 11 khu tái định cư. Mỗi địa phương được đầu tư từ 1 đến 2 khu, đảm bảo quỹ nền tái định cư cho người dân trong vùng ảnh hưởng dự án.

c) Hoàn thành dự án Khu trung tâm văn hóa Tây Đô (giai đoạn 1), trong đó là đầu tư hạ tầng phục vụ xây dựng khu hành chính thành phố; quảng trường thành phố và các công trình công cộng khác phục vụ người dân.

5. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư là 218,267 tỷ đồng, gồm:

- Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ: 06 dự án, với số vốn dự kiến 198,300 tỷ đồng.

- Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ: 01 dự án, với số vốn dự kiến 19,967 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục dự án theo phụ lục số VII đính kèm)

Trên đây là dự kiến kế hoạch đầu công tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ, trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố thành phố tiếp tục cập nhật, điều chỉnh bổ sung danh mục dự án và mức vốn theo số thông báo của trung ương, đảm bảo đúng quy định, sát hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

Phụ lục số I

Tình hình triển khai thực hiện các dự án dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

I. Dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ

1. Thông tin chung

- Chủ trương đầu tư: Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.
- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư: Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố.
- Nhóm dự án: quan trọng quốc gia.
- Tổng mức đầu tư: 9.725,097 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: năm 2022 - 2027.
- Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài: khoảng 37,42Km.
- Quy mô mặt cắt ngang:
  + Phần tuyến: bề rộng B=17m, 04 làn xe
  + Phần cầu: bề rộng B=17,5m:
    • Phần xe chạy: 4 x 3,5m = 14m
    • Dải phân cách giữa : 1 x 0,5m = 0,5m
    • Lan can: 2 x 0,5m = 1m
    • Dải an toàn giữa và ngoài: 2 x 0,5m +2 x 0,5m = 2m

2. Tình hình thực hiện

**** Công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:***

- Tổng số trường hợp bị ảnh hưởng của dự án: khoảng 1.055 trường hợp (Trong đó: H.Vĩnh Thạnh: 283 trường hợp; H.Cờ Đỏ: 407 trường hợp *(bao gồm khoảng 40 trường hợp tại vị trí trạm dừng nghỉ)*; H.Thới Lai: 365 trường hợp). Đã tiến hành kiểm kê và thông qua 1.055/1.055 trường hợp. Đã chi trả tiền bồi thường được

991/1.015 trường hợp với giá trị 949,768 tỷ đồng, đạt tỷ lệ là 97,64% tổng số trường hợp phê duyệt, còn lại 24 trường hợp chưa nhận bồi thường với số tiền 15,779 tỷ đồng.

- Số hộ đã bàn giao mặt bằng: 1.015/1.055 hộ, khoảng 240,114/258,494ha đạt 92,89%, tương đương 36,571km.

**** Giá trị khối lượng thi công:***

- Tổng giá trị thực hiện các gói thầu xây lắp: 625,411/5.985,514 tỷ đồng, đạt tỷ lệ: 10,45%.

+ Giá trị thực hiện Gói thầu số 11: 178,808/1.814,540 tỷ đồng *(giá trị hợp đồng gói thầu xây lắp chưa bao gồm dự phòng phí)*, đạt tỷ lệ: 9,85%

+ Giá trị thực hiện Gói thầu số 12: 158,362/1.863,536 tỷ đồng *(giá trị hợp đồng gói thầu xây lắp chưa bao gồm dự phòng phí)*, đạt tỷ lệ: 8,50%

+ Giá trị thực hiện Gói thầu số 13: 197,651/1.134,815 tỷ đồng *(giá trị hợp đồng gói thầu xây lắp chưa bao gồm dự phòng phí)*, đạt tỷ lệ: 17,42%

+ Giá trị thực hiện Gói thầu số 14: 90,590/1.172,623 tỷ đồng *(giá trị hợp đồng gói thầu xây lắp chưa bao gồm dự phòng phí)*, đạt tỷ lệ: 7,73%

**** Công tác bố trí vốn và giải ngân:*** Lũy kế vốn bố trí đến nay là 3.637 tỷ đồng, giải ngân đến nay là 3.055,112 tỷ đồng tỷ đồng, đạt 83,97% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 581,888 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024.

3. Khó khăn:

**** Về nguồn vật liệu cát san lấp cho dự án:***

Nhu cầu sử dụng vật liệu cát san lấp cho dự án khoảng 7,0 triệu m3 cát rời (bao gồm khối lượng cát thi công công trình phụ trợ phần cầu, mố nhô, cầu tạm...).

- Ngày 06/3/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có Bản xác nhận số 208/XN-UBND cho dự án với tổng trữ lượng là 3,285 triệu m3 *(tuy nhiên theo Hồ sơ khảo sát mỏ thì khối lượng đủ điều kiện sử dụng cho dự án khoảng 2,3 – 2,4 triệu m3)*, nhu cầu vật liệu cát san lấp còn thiếu khoảng 4,7 triệu m^3.

- Ngày 13/8/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có Bản xác nhận số 782/XN-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Bản xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Tiền thuộc xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới,

tỉnh An Giang *(Điều chuyển nguồn cát từ khu mỏ để phục vụ cao tốc Cần Thơ – Cà Mau)*. Trong đó: *"1.2 Khối lượng được phép khai thác: 3.285.438 m3. Trong đó, 2.585.438 m3 phục vụ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1, đoạn qua thành phố Cần Thơ và 700.000 m3 phục vụ cao tốc Cần Thơ – Cà Mau"*.

- Theo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 283/TB-VPCP ngày 26/6/2024 của Văn phòng Chính phủ tại buổi làm việc với các Bộ, địa phương, các cơ quan có liên quan về xử lý khó khăn vướng mắc cho dự án giao thông trọng điểm khu vực phía Nam, Phó Thủ tướng kết luận chỉ đạo: *"Tỉnh Tiền Giang cung ứng khoảng 15,95 triệu m3 cho các dự án:... (ii) Dự án thành phần 2 thuộc Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng khoảng 4,55 triệu m3..."*. Ngày 08/7/2024, thành phố Cần Thơ đã có buổi làm việc với tỉnh Tiền Giang. Theo đó, tỉnh Tiền Giang cam kết hỗ trợ thành phố Cần Thơ nguồn cát được cung cấp tại 03 mỏ: An Nhơn, huyện Cái Bè với trữ khoảng 0,912 triệu m3; các mỏ Ngũ Hiệp 1 và Ngũ Hiệp 2, huyện Cai Lậy với trữ lượng khoảng 1,244 triệu m3 và 2,599 triệu m3 *(tổng trữ lượng 03 mỏ khoảng 4,755 triệu m3)*, các bên đã tiến hành khảo sát hiện trường vào ngày 10/7/2024.

- Hiện nay, các đơn vị tư vấn thuộc doanh nghiệp quản lý mỏ đã tiến hành khai thác khoan thăm dò khảo sát trữ lượng mỏ, lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản và dự kiến trình hồ sơ đề nghị công nhận trữ lượng trước ngày 12/9/2024 và tiếp tục thực hiện xin chủ trương và nộp cấp phép khai thác mỏ. Cụ thể:

+ *Mỏ An Nhơn:* Ngày 19/8/2024, Doanh nghiệp đã đo vẽ địa hình lòng sông, khoan; đang lập báo cáo rà soát trữ lượng. Với trữ lượng thực tế dự kiến khoảng 0,5÷0,6 triệu m3.

+ *Mỏ Ngũ Hiệp 1:* Ngày 27/7/2024-30/7/2024, đã đo vẽ địa hình và khoan rà soát trữ lượng. Với trữ lượng thực tế dự kiến khoảng 1,3 triệu m3.

+ *Mỏ Ngũ Hiệp 2:* Ngày 25-28/8/2024, đã đo vẽ địa hình và khoan rà soát trữ lượng. Với trữ lượng thực tế dự kiến khoảng hơn 1 triệu m3.

=> Theo thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang đến tháng 10/2024 có thể triển khai khai thác nguồn vật liệu cát.

*** Công tác bàn giao mặt bằng:**

- Về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

+ Huyện Vĩnh Thạnh: còn vướng 03 hộ nhà dân hai bên Quốc lộ 80 - Km61+462 và 01 hộ dân cầu Thắng Lợi 1 *(đã ký biên bản cam kết di dời đến 31/8/2024 nhưng đến nay vẫn chưa di dời).*

+ Huyện Cờ Đỏ: phát sinh 0,51ha do điều chỉnh cột mốc mở rộng phần đường địa bàn xã Thạnh Phú.

+ Huyện Thới Lai: còn vướng 01 trường hợp tại vị trí Km94+000 (hộ ông Vân) đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất, tuy nhiên sau khi cưỡng chế đơn vị triển khai thi công thì bị người dân trở vào xây nhà cản trở không cho thi công *(khoảng 40m)*, địa phương đang xử lý.

- *Về hạ tầng kỹ thuật:*

+ Đường điện, trung hạ thế còn 02 vị trí chưa di dời.

+ Đường điện cao thế còn vướng 04 vị trí trên địa bàn 03 huyện, ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao mặt bằng thi công các gói thầu phần đường.

II. Dự án đường Vành đai phía Tây (nối Quốc lộ 91 với QL 61C)

1. Thông tin chung

- Chủ trương đầu tư: tại Nghị Quyết số 38/NĐ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Phê duyệt dự án: tại Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Tổng mức đầu tư dự án: 3.837,742 tỷ đồng.

- Quy mô: Tổng chiều dài tuyến là 19,264 km.

- Thời gian thực hiện: 2021 – 2026.

2. Tiến độ thực hiện

* Công tác giải phóng mặt bằng

Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng khoảng 1.247 trường hợp, dự kiến bố trí tái định cư cho khoảng 464 trường hợp (tương đương 482 nền). Đến nay, đã hoàn thành công tác đo đạc, kiểm đếm nhà, vật, kiến trúc, cây trồng, đã phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho 673 trường hợp (đạt 54,1%), thực hiện chi trả tiền bồi hoàn cho 655 trường hợp (đạt 52,5%), mặt bằng được bàn giao cho đơn vị thi công đạt khoảng 50%.

* Công tác thi công

Công trình đang thực hiện 04/07 gói thầu thi công xây lắp, giá trị thực hiện đến nay chi tiết như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Tên gói thầu	Giá trị gói thầu	Khối lượng đã thực hiện		Khối lượng đã nghiệm thu	
			Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1	Gói thầu 16	561,885	181,200	32,25%	130,103	23,15%
2	Gói thầu 17	551,800	211,930	38,41%	162,890	29,52%
3	Gói thầu 19	508,814	11,500	2,26%	10,254	2,02%
4	Gói thầu 20	552,558	143,360	25,94%	124,703	22,57%
Tổng cộng:		2.175,057	547,990	25,19%	427,950	19,67%

* ***Công tác quản lý vốn và giải ngân:*** Lũy kế vốn bố trí đến nay là 2.283,884 tỷ đồng, giải ngân đến nay là 2.027,84 tỷ đồng tỷ đồng, đạt 88,53% kế hoạch vốn. Kế hoạch vốn còn lại là 256,044 tỷ đồng, dự kiến sẽ giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2024.

3. Khó khăn, vướng mắc:

- Khoảng hơn 50% tổng số hộ dân bị ảnh hưởng đã được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và đã bàn giao mặt bằng, nhưng mặt bằng chưa liên tục nên chưa thể triển khai thi công đồng bộ được toàn bộ các gói thầu số 16, 17, 19. Hiện nay kinh phí bồi thường đã đến kinh phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt nên từ đầu năm 2024 không thực hiện tiếp tục công tác GPMB. Vì vậy hiện nay nhà thầu chỉ triển khai trên phần mặt bằng hiện có.

- Một số khu tái định cư của các quận, huyện đang trong giai đoạn hoàn thiện và chưa có giá nền tái định cư nên chưa đủ điều kiện để bàn giao nền tái định cư cho các hộ dân, ảnh hưởng rất lớn đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Đối với việc di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng gồm: đường dây điện trung, hạ thế của Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ và hệ thống cấp thoát nước của Công ty cổ phần cấp nước Cần Thơ 2, đơn vị thực hiện đang hoàn tất thủ tục để làm cơ sở xem xét bồi thường, hỗ trợ di dời theo quy định nên chưa thực hiện di dời, ảnh hưởng đến tiến độ thi công của dự án.

- Hiện nay, công tác đắp nền đường bị chậm tiến độ do nguồn cát đắp nền đang khan hiếm.

Phụ lục số II

DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số :KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án/BMC	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
							TMDT							NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW						Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính quyền địa phương	Dự phòng NSTW	NSDP	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP									
	TỔNG SỐ						18.453.131	5.964.448	289.218	483.247	11.683.178	4.462.942	13.588.348	3.161.100	280.722	134.181	-	370.000	9.635.345	
I	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới						2.443.078	-	-	-	2.443.078	446.896	1.898.597	-	-	-	-	-	1.898.597	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						1.065.491	-	-	-	1.065.491	444.450	564.556	-	-	-	-	-	564.556	
1	Khu tái định cư quận Ninh Kiều	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2020-2024	2624/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	460.894				460.894	170.700	290.194						290.194	
2	Khu tái định cư Bình Thủy (khu 1)	UBND quận Bình Thủy	Bình Thủy	B	2020-2022	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104.597				104.597	50.500	50.000						50.000	
3	Khu tái định cư quận Cái Răng	UBND quận Cái Răng	Cái Răng	B	2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	239.336				239.336	100.900	103.000						103.000	
4	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	C	2020-2022	2609/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	49.322				49.322	36.400	4.500						4.500	
5	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 1)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2020-2022	2604/QĐ-UBND 29/10/2019	39.680				39.680	25.150	6.000						6.000	
6	Khu tái định cư huyện Phong Điền	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2020-2022	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171.662				171.662	60.800	110.862						110.862	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						1.377.587	-	-	-	1.377.587	1.646	1.334.041	-	-	-	-	-	1.334.041	
1	Khu tái định cư phường Long Hòa (khu 2)	Trung tâm PTQĐ thành phố	Bình Thủy	B	2019-2023	795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	426.851				426.851	476	387.918						387.918	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại phường Thường Thạnh, quận Cái Răng	Trung tâm PTQĐ thành phố	Cái Răng	C	2021-2023	1036/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	38.857				38.857	500	38.213						38.213	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thuộc khu đô thị dường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Hàng Bàng đến ĐT 923)	Trung tâm PTQĐ thành phố	Ninh Kiều	C	2021-2023	1036/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	48.236				48.236	670	47.562						47.562	
4	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	10/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	514.000				514.000		510.600						510.600	
5	Khu tái định cư phường Thới Thuận (gđ 2)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2022-2025	1282/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	349.643				349.643		349.748						349.748	
II	Giao thông						8.445.583	4.370.794	-	-	3.958.783	1.928.733	6.232.877	2.511.809	-	-	-	-	3.821.043	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						2.837.623	2.113.157	-	-	608.460	1.924.823	748.131	254.193	-	-	-	-	493.938	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thông	UBND quận Bình Thủy	Bình Thủy	B	2018-2020	2712/QĐ-UBND 18/10/2017 3184/QĐ-UBND 06/12/2017	114.478	80.300			34.178	80.300	6.300						6.300	
2	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1. Đoạn từ nút giao thông đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Bình Thủy	B	2018-2020	2863/QĐ-UBND 30/10/2017 3183/QĐ-UBND 06/12/2017 3029/QĐ-UBND 01/11/2021	127.185	100.000			37.185	75.350	63.835	52.000					11.835	
3	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ	B	2019-2022	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019;1037/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022	1.494.617	1.494.617	-			1.343.037	23.597	-	-	-			23.597	
4	Đường tỉnh 918, thành phố Cần Thơ (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ cầu Lộ Bức đến cuối đường Tỉnh 923)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Bình Thủy - Phong Điền	B	2020-2023	2184/QĐ-UBND ngày 09/10/2020; 2735/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	324.246	208.248				25.000	307.223	183.240					123.983	
5	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Phong Điền	B	2019-2023	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	450.000	150.000	-		300.000	286.938	160.757	-	-	-			160.757	
6	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường lộ hậu Tân Thạnh Tây, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	UBND quận Cái Răng	Cái Răng	C	2020-2022	2324/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	33.953				33.953	10.200	23.000						23.000	
7	Tuyến đường lộ hậu Kênh Thạnh Đông nối Mù U - Bến Bạ	UBND quận Cái Răng	Cái Răng	D	2018-2021	2861/QĐ-UBND 30/10/2017	104.999	80.000			24.999	64.500	26.953	18.953					8.000	
8	Đường Nam kênh Dân Dông (đoạn từ kênh F - kênh H)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	C	2019-2021	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	57.682				57.682	22.200	55.400						55.400	
9	Đường giao thông nông thôn Vàm Xáng - Ba Láng, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2019-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, 1667/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	120.483				120.483	19.458	101.066						101.066	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						5.607.960	2.357.637	-	-	3.350.323	3.910	5.584.746	2.257.637	-	-	-	-	3.327.109	
1	Đường tỉnh 920 (đoạn qua Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ô Môn	C	2021-2023	2533/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 3955/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	45.181				45.181		45.181						45.181	
2	Cầu Kênh Ngang tuyến đường tỉnh 922)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Cờ Đỏ	B	2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137.371				137.371	210	137.161						137.161	
3	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 917	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Bình Thủy - Phong Điền	B	2021-2024	58/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	996.215	561.000			435.215	900	994.415	561.000					433.415	
4	Đường tỉnh 921, Đoạn tuyến tháng 1(điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Thốt Nốt - Cờ Đỏ	B	2021-2024	58/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	871.267	608.000			263.267		870.487	608.000					262.487	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm cả vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư cung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
							TMĐT							NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương				
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSĐP			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính quyền địa phương	Dự phòng NSTW	NSĐP	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại										
5	Đường tỉnh 918 (Giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Bình Thủy - Phong Điền	B	2021-2024	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	700.125	562.974			137.151	930	699.125	562.974					136.151	
6	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	Sở Giao thông vận tải	Ô Môn - Phong Điền	B	2021-2024	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	576.186	525.663			50.523	750	575.446	525.663					49.783	
7	Đường nối từ đường dẫn cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	383.648				384.648		381.548						381.548	
8	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	09/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	172.709				172.709		171.009						171.009	
9	Cầu Tây Đô, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Sở Giao thông vận tải	Phong Điền	B	2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	208.045				208.045	450	224.365						224.365	
10	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919	Sở Giao thông vận tải	Cờ Đỏ	B	2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	165.604				165.604	300	141.399						141.399	
11	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt; 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	1394/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	24.999				24.999		24.690						24.690	
12	Đầu tư trang bị phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Công vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	1412/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	15.824				15.824		15.704						15.704	
13	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn 1 (Triển khai các hạng mục như Tủ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát (CCTV), Hệ thống đô xe (VDS) và Trung tâm điều khiển)	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	50.000				50.000		49.450						49.450	
14	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên tuyến Quốc lộ 91B, đoạn từ cầu Bà Bộ đến giao Quốc lộ 91 thuộc địa bàn quận Bình Thủy, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Km02+592 - Km 15+793)	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	1274/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	18.902				18.902	350	18.550						18.550	
15	Dự án Nâng cấp, cải tạo 05 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2022-2025	2791/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	1.196.005				1.196.005		1.193.205						1.193.205	
16	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mất An toàn giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn, tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	Ban An toàn giao thông	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	1423/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	33.391				33.391		33.011						33.011	
17	Nâng cấp tuyến đường Trần Ngọc Hoằng	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	C	2022-2024	3201/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3794/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; 3999/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	11.458				11.458		10.000						10.000	
III	Y tế, dân số và gia đình						606.406	158.000	-	-	448.406	194.588	391.838	158.000	-	-	-	-	233.838	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						259.539	-	-	-	259.539	194.688	46.473	-	-	-	-	-	46.473	
1	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ (quy mô 200 giường)	Ban QLDA ĐTXD 2 thành phố	Ninh Kiều	B	2016-2020	3046/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	149.783				149.783	134.855	10.000						10.000	
2	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Da khoa quận Ô Môn	Ban QLDA ĐTXD 2 thành phố	Ô Môn	B	2017-2020	3346/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.846				68.846	40.133	18.373						18.373	
3	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ	UBND huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	C	2019-2021	2830/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	25.985				25.985	15.100	7.900						7.900	
4	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tâm Thần (cơ sở cũ) thành cơ sở 2 Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ	Sở Y tế	Ninh Kiều	C	2020-2022	163/QĐ-SXD ngày 28/8/2020	14.925				14.925	4.600	10.200						10.200	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						346.867	158.000			188.867	100	345.357	158.000	-	-	-	-	187.357	
1	Xây dựng Khoa hồi sức tích cực tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Sở Y tế	Ninh Kiều	C	2020-2022	1638/QĐ-UBND 8/7/2019	14.965				14.965	100	14.865						14.865	
2	Bệnh viện Quân dân y (Giai đoạn 2)	BCH Quân sự thành phố	Cờ Đỏ	B	2022-2024	4276/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	48.827				48.827		48.627						48.627	
3	Bệnh viện dã chiến số 1	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2021	1808/QĐ-UBND ngày 15/8/2021	6.052				6.052		6.052						6.052	
4	Bệnh viện dã chiến số 2	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2021	1809/QĐ-UBND ngày 15/8/2021	22.051				22.051		22.051						22.051	
5	Bệnh viện dã chiến số 4	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Cái Răng	C	2021	1851/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.051				4.051		4.051						4.051	
6	Bệnh viện dã chiến số 5	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Cái Răng	C	2021	1852/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2.173				2.173		2.173						2.173	
7	Bệnh viện dã chiến số 6	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Cái Răng	C	2021	1853/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.158				3.158		3.158						3.158	
8	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	Sở Y tế	Ninh Kiều	B	2022-2024	406/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	110.000	105.000			5.000		109.500	105.000					4.500	
9	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	Sở Y tế	TPCT	B	2022-2024	39/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	135.600	53.000			82.600		134.900	53.000					81.900	
IV	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản						3.611.923	1.340.534	217.435	462.464	1.691.640	1.119.638	2.413.406	484.770	228.939	117.398	-	378.000	1.242.299	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						2.419.653	776.534	217.435	462.464	963.220	1.117.980	1.275.893	384.770	228.939	117.398	-	-	543.986	
1	Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ (vốn AFD)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều - Cái Răng - Phong Điền	B	2016-2023	1027/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 2500/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	1.095.361		7.999	462.464	624.898	524.275	570.081	-	121.399	117.398			330.884	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án/MHC	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSĐP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSĐP			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính quyền địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài											
2	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ (Vnsat)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh	B	2016-2022	599/QĐ-UBND ngày 8/3/2018 1245/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	298.850		209.436		89.454	159.200	134.772		107.140				27.632	
3	Kè chống sạt bờ, chống xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ninh Kiều - Bình Thủy	B	2017-2022	Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	314.937	252.934			62.006	283.443	31.494						31.494	
4	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc khu vực Thới Thuận, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy	Chi cục Thủy lợi thành phố	Bình Thủy	C	2020-2022	721/QĐ-SNN&PTNT 27/12/2019	14.613				14.613	14.240	373						373	
5	Kè chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi thành phố	Phong Điền	B	2020-2023	2031/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	195.851	149.493			46.358	19.833	175.660	130.660					45.000	
6	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Ba Rích), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ô Môn	B	2020-2023	2050/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	225.056	204.110			18.946	16.000	203.056	189.110					17.946	
7	Kè chống sạt lở sông Ô Môn – khu vực Thới An, quận Ô Môn (phía bờ phải) - (đoạn từ Rạch Vàm đến bến đò Tầm Vu	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ô Môn	B	2020-2023	2052/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	116.983	80.000			36.983	15.750	101.000	65.000					36.000	
8	Dự án Khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở sông Bến Bạ, Khu vực Thới Thuận A, Phường Tân Phú, quận Cái Răng	Chi cục Thủy lợi thành phố	Cái Răng	C	2020-2022	223/QĐ-SNN&PTNT ngày 18/9/2020	14.644				14.644	7.000	7.644						3.644	
9	Dự án Khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông trên tuyến kênh Giáo Dần, khu vực Tân Quy, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ô Môn	C	2020-2022	261/QĐ-SNN&PTNT ngày 27/10/2020	14.821				14.821	7.649	7.172						7.172	
10	Kè chống sạt lở sông Bình Thủy, phường An Thới (đoạn từ cầu Rạch Dừa đến Chùa Ông)	Chi cục Thủy lợi thành phố	Bình Thủy	C	2020-2022	1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	81.066	60.000			21.066	60.000	21.000						21.000	
11	Kè chống sạt lở bờ sông tại vị trí có nguy cơ sạt lở nguy hiểm tại khu vực ngã ba sông Ô Môn và Rạch Tra, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai	Chi cục Thủy lợi thành phố	Thới Lai	C	2020-2022	864/QĐ-UBND 22/4/2020	49.431	30.000			19.431	30.590	18.841						18.841	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	-					1.191.420	470.000	-	-	721.420	1.698	1.138.313	100.000	-	-	-	330.000	608.313	
1	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	B	2021-2024	Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.697				119.697	425	114.000						114.000	
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	B	2021-2024	Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.968				119.968	425	114.000						114.000	
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	B	2021-2024	Quyết định số 3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.881				119.881	424	114.000						114.000	
4	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Phong Điền	B	2021-2024	Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119.801				119.801	424	114.000						114.000	
5	Hệ thống thủy lợi tạo nguồn Bắc Cái Sắn (Cần Thơ - An Giang)	Chi cục Thủy lợi thành phố	Vĩnh Thạnh	C	2022-2024	1578/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	19.986				19.986		19.286						19.286	
6	Kè chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn từ cầu Xẻo Mây đến cầu Rạch Chùa), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi thành phố	Bình Thủy	B	2022-2025	136/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	272.447	100.000			172.447		272.147	100.000					172.147	
7	Dự án: Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Cam Mỹ), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - GIAI ĐOẠN 1: đoạn từ vàm Ba Rích đến kênh Thủy lợi 1	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ô Môn	C	2021-2022	630/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	99.985	80.000			19.985		99.000					80.000	19.000	
8	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nạo vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh Ngang	Chi cục Thủy lợi thành phố	Cờ Đỏ, Thới Lai	C	2021-2022	65/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	14.901	14.000			901		14.900					14.000	900	
9	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nạo vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh Đông Phụp	Chi cục Thủy lợi thành phố	Cờ Đỏ, Thới Lai	C	2021-2022	66/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	14.447	14.000			447		14.400					14.000	400	
10	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nạo vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh E1	Chi cục Thủy lợi thành phố	Vĩnh Thạnh	C	2021-2022	63/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	6.491	6.000			491		6.400					6.000	400	
11	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nạo vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh G1	Chi cục Thủy lợi thành phố	Vĩnh Thạnh	C	2021-2022	64/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	6.181	6.000			181		6.180					6.000	180	
12	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn hướng từ cầu Ô Môn ra sông Hậu) - Giai đoạn 2: đoạn từ Kênh Thủy lợi 1 đến đầu điện Rạch Ranh	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ô Môn	B	2024-2025	468/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	277.655	250.000			27.655		250.000					250.000		
V	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	-					1.167.066	-			1.167.066	310.754	763.531	-	-	-	-	-	763.531	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước	-					420.558	-	-	-	420.558	310.534	96.165	-	-	-	-	-	96.165	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án/MHC	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							NSTW		Hỗ trợ Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSĐP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSĐP			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính quyền địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài											
1	Trường Chính trị thành phố Cần Thơ	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	B	2015-2023	1187/QĐ-UBND ngày 20/4/2015; 2435/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 795/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	170.482				170.482	135.654	9.500						9.500	
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Trung tâm PTQĐ thành phố	Bình Thủy	B	2019-2021	2269/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 3952/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 1459/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	85.921				85.921	85.920	46.967						46.967	
3	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giai đoạn 1 (5,7ha) thuộc Trường đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Trung tâm PTQĐ thành phố	Bình Thủy	B	2013-2023	2508/QĐ-UBND ngày 22/9/20217; 3409/QĐ-UBND ngày 13/9/20222	52.313				52.313	36.830	4.000						4.000	
4	Trường Tiểu học Thới Thuận 2	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2020-2022	2623/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	40.344				40.344	13.400	22.500						22.500	
5	Trường THCS thị trấn Phong Điền	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2019-2021	2830/QĐ-UBND 30/10/2018	43.816				43.816	23.150	12.373						12.373	
6	Trường Trung học cơ sở Thạnh Quới	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	C	2018-2020	2856/QĐ-UBND 30/10/2017	27.682				27.682	21.600	825						825	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						746.508				746.508	2.220	667.366						667.366	
1	Dự án Đầu tư ngành nghề trọng điểm trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường CĐ Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	34/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	76.461				76.461	200	76.261						76.261	
2	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường CĐ Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	34/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	95.000				95.000	190	21.810						21.810	
3	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ trở thành trường dạy nghề chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg	Trường CĐ Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	34/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	292.000				292.000	400	291.600						291.600	
4	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cái Răng	B	2022-2025	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	79.993				79.993	400	79.583						79.583	
5	Trường THCS và THPT Tân Lộc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thốt Nốt	C	2022-2024	1254/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	39.995				39.995	220	39.588						39.588	
6	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ô Môn	C	2022-2024	1252/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	24.989				24.989	190	24.680						24.680	
7	Trường Dạy trẻ khuyết tật	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bình Thủy	C	2022-2024	215/QĐ-SXD ngày 04/11/2021; 320/QĐ-SXD ngày 17/11/2021	8.989				8.989	300	8.519						8.519	
8	Trường THCS và THPT Thới Thuận	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thốt Nốt	C	2021-2023	1371/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	39.999				39.999	270	37.588						37.588	
9	Cải tạo và mua sắm Trang thiết bị Trường Đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ Cơ sở I	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	1422/QĐ-UBND 05/7/2021	14.998				14.998		14.548						14.548	
10	Khu giảng đường dãy D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	1499/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	43.999				43.999		43.719						43.719	
11	Cải tạo khối nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường CĐ VH Nghệ Thuật	Ninh Kiều	C	2022-2024	272/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9.132				9.132		9.056						9.056	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2023	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022; CV 3058/UBND-XDĐT ngày 04/8/2022; 221/QĐ-SXD ngày 30/6/2022	11.012				11.012		10.733						10.733	
13	Thiết bị đào tạo tối thiểu đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2024-2025	2938/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	9.941				9.941		9.881						9.881	
VI	Văn hóa - Thể dục thể thao						918.829				918.829	203.422	747.591						747.591	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						613.445				613.445	282.732	445.273						445.273	
1	Chỉnh lý, trưng bày Bảo tàng thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2020-2022	2210/QĐ-UBND 16/9/2019	26.864				26.864	10.651	16.213						16.213	
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	Sở Xây dựng	Ninh Kiều	B	2020-2022	2626/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	586.581				586.581	272.071	429.060						429.060	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						305.384				305.384	700	302.228						302.228	
1	Trùng tu Di tích lịch sử Khóm Lớn Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2022-2024	3685/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	28.206				28.206	200	28.006						28.006	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở vận động viên Khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2022-2024	985/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	4.999				4.999		4.809						4.809	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2022-2024	366/QĐ-SXD ngày 27/12/2023	13.000				13.000		12.549						12.549	
4	Thư viện thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban QLDA ĐTXD TPCT	Ninh Kiều	B	2022-2025	1321/QĐ-UBND ngày 5/6/2023	149.988				149.988	500	148.413						148.413	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án/ADC	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				NSĐP			NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSĐP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính quyền địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài											
5	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2022-2024	1368/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	7.995				7.995		7.705						7.705	
6	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Lộ Vòng Cung (giai đoạn 2)	UBND H. Phong Điền	B	Phong Điền	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND huyện Phong Điền	101.196				101.196		100.746						100.746	
VII	Bảo vệ môi trường						236.861	81.966	20.783	20.783	195.295	30.900	202.735	-	20.783	20.783	-	-	161.169	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						176.158	81.966	-	-	176.158	30.900	141.697	-	-	-	-	-	141.697	
1	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thốt Nốt	B	2020-2022	2627/QĐ-UBND 30/10/2019	94.192				94.192	30.100	60.697						60.697	
2	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thới Lai	B	2020-2023	2148/QĐ-UBND 6/10/2020	81.966	81.966			81.966	800	81.000						81.000	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						60.703	-	20.783	20.783	19.137	-	61.038	-	20.783	20.783	-	-	19.472	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Cần Thơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng - Phong Điền	B	2020-2022	512/QĐ-UBND 13/3/2020	51.710		20.783	20.783	10.144		52.265		20.783	20.783			10.699	
2	Đầu tư hệ thống trang thiết bị truyền nhận, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP Cần Thơ	C	2022-2024	1240/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	8.993				8.993		8.773						8.773	
VIII	Khoa học, Công nghệ						143.904	-	-	-	143.904	30.887	142.210	-	-	-	-	-	142.210	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						47.902	-	-	-	47.902	30.887	46.608	-	-	-	-	-	46.608	
1	Sàn giao dịch công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024								29.746						29.746	
2	Bảo trì, trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5.399				5.399		5.597						5.597	
1	Nhà xưởng trang thiết bị tại Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2017-2021	1766/QĐ-UBND 24/5/2016	42.503				42.503	30.887	11.265						11.265	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						96.002	-	-	-	96.002	-	95.602	-	-	-	-	-	95.602	
1	Dự án Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	B	2022-2025	64/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	59.996				59.996		59.776						59.776	
2	Dự án Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin KH&CN Cần Thơ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	2545/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	36.006				36.006		35.826						35.826	
IX	Thông tin, Công nghệ thông tin						57.389	-	-	-	57.389	13.384	34.866	-	-	-	-	-	34.866	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						57.389	-	-	-	57.389	13.384	34.866	-	-	-	-	-	34.866	
1	Xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến các lĩnh vực	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	2629/QĐ-UBND 31/10/2019	28.491				28.491	7.204	17.850						17.850	
2	Xây dựng các dịch vụ nền tảng dùng chung toàn thành phố Cần Thơ	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	206/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	9.716				9.716	2.140	3.394						3.394	
3	Xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	2588/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	16.183				16.183	4.040	10.331						10.331	
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Tài chính	Ninh Kiều	C	2022-2024	3679/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	2.999				2.999		2.891						2.891	
X	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						199.049	-	-	-	199.049	824	202.247	-	-	-	-	-	202.247	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						199.049	-	-	-	199.049	824	202.247	-	-	-	-	-	202.247	
1	Xây dựng phòng họp và cải tạo sửa chữa Trụ sở Thành ủy, Hội trường Thành ủy	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	B	2021-2023	1375/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	49.182				49.182	300	48.882						48.882	
2	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2021-2023	130/QĐ-SXD ngày 04/6/2021	1.379				1.379		1.329						1.329	
3	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Ninh Kiều	C	2021-2023	1187/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	7.423				7.423		7.007						7.007	
4	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại KCN Trà Nóc	BQL các Khu Chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ	Bình Thủy	C	2022-2024	1383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1.338				1.338		1.288						1.288	
5	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2022-2024	1310/QĐ-SXD ngày 24/11/2021	2.988				2.988	120	2.880						2.880	
6	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2022-2024	1865/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	1.323				1.323	45	1.278						1.278	
7	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Ban Tôn Giáo trực thuộc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ	Sở Nội vụ	Ninh Kiều	C	2022-2024	1257/QĐ-UBND ngày 13/6/2021	1.188				1.188		1.140						1.140	
8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	1866/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	4.999				4.999		4.789						4.789	
9	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	3646/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	14.996				14.996		14.396						14.396	
10	Trang thiết bị Nhà khách Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ	BCH Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2021-2023	102/QĐ-SKHĐT ngày 24/05/2021	14.267				14.267	57	14.766						14.766	
11	Cải tạo sửa chữa trụ sở Chi cục Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2024	1104/QĐ-UBND ngày 25/03/2022	1.999				1.999		1.849						1.849	
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân tộc	Ban Dân tộc	Ninh Kiều	C	2022-2024	1114/QĐ-UBND ngày 28/03/2022	3.416				3.416		3.316						3.316	
13	Cải tạo, sửa chữa khu vực tổng hầm và hội trường lớn UBND thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2024	308/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	945				945		850						850	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Chi cục Kiểm lâm	Sở NN&PTNT	Ninh Kiều	C	2022-2024	1425/QĐ-UBND ngày 29/04/2022	2.502				2.502		2.382						2.382	
15	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp	Sở Tư Pháp	Ninh Kiều	C	2022-2024	1984/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	4.701				4.701		4.521						4.521	
16	Sửa chữa cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Cần Thơ	Ủy ban MTTQVN TPCT	Ninh Kiều	C	2022-2024	2045/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	1.756				1.756		1.655						1.655	

TT	Danh mục ngành, lĩnh vực/dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSĐP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSĐP			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Tài khoản Chính quyền địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại										
18	Sửa chữa trụ sở cơ quan Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024	282/QĐ-SXD ngày 21/10/2022 186/QĐ-SXD ngày 19/4/2023	2.788				2.788		2.740						2.740	
19	Sửa chữa trụ sở Viện Quy hoạch Xây dựng	Sở Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024	...../QĐ-UBND ngày .../10/2021	1.500				1.500		1.414						1.414	
20	Sửa chữa, cải tạo hệ thống PCCC kho lưu trữ lịch sử thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2024	301/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	2.018				2.018		1.905						1.905	
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Câu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	CLB Hưu Trí	Ninh Kiều	C	2023-2024	443/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.186				3.186		3.041						3.041	
21	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban An toàn giao thông thành phố và Thanh tra Sở thuộc Sở Giao thông vận tải	Ban An toàn giao thông	Ninh Kiều	C	2022-2024	2862/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	3.903				3.903		3.783						3.783	
7	Xây dựng Khối nhà làm việc của Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cái Răng	C	2022-2024	1235/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	4.951				4.951		4.751						4.751	
8	Xây dựng trụ sở và trang bị hệ thống phần mềm ứng dụng du lịch thông minh cho Trung tâm Phát triển Du lịch thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2021-2023	1369/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	10.712				10.712	122	10.590						10.590	
9	Xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Bình Thủy	C	2021-2023	1413/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	19.995				19.995	180	26.427						26.427	
22	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01 Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2023-2025	1004/QĐ-UBND ngày 20/04/2023	32.383				32.383		32.083						32.083	
23	Cải tạo, sửa chữa Sở Ngoại vụ tại số 27 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Ninh Kiều	C	2024-2025	55/QĐ-SXD ngày 12/03/2024	3.211				3.211		3.155						3.155	
XI	Xã hội						68.002	45.000	-	-	23.002	41.423	25.525	6.500	-	-	-	-	19.025	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						68.002	45.000	-	-	23.002	41.423	25.525	6.500	-	-	-	-	19.025	
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	TX. Ngã Bảy, Hậu Giang	C	2022-2024	1379/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	18.027	-			18.027		17.328						17.328	
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ô Môn	B	2018-2020	2842/QĐ-UBND 30/10/2017 3192/QĐ-UBND 07/12/2017	49.975	45.000			4.975	41.423	8.197	6.500					1.697	
XII	Khu tăng	-					68.638	-	-	-	68.638	791	67.847	-	-	-	-	-	67.847	
**	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	-					68.638	-	-	-	68.638	791	67.847	-	-	-	-	-	67.847	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng thành phố Cần Thơ	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Cái Răng	B	2020-2023	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68.638				68.638	791	67.847						67.847	
XIII	Công nghiệp						58.824	-	50.000	-	8.824	24.824	34.000	-	34.000	-	-	-	-	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước						58.824	-	50.000	-	8.824	24.824	34.000	-	34.000	-	-	-	-	
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ	Sở Công thương	Phong Điền - Thới Lai - Cờ Đỏ - Vĩnh Thạnh	C	2016-2021	860/QĐ-UBND ngày 9/4/2019	58.824		50.000		8.824	24.824	34.000		34.000					
XIV	Quốc phòng, An ninh và trật tự, an toàn xã hội	-					280.456	62.154	-	-	218.302	28.138	184.038	-	-	-	-	-	184.038	
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước	-					138.459	62.154	-	-	76.305	27.928	45.109	-	-	-	-	-	45.109	
1	Cơ sở làm việc Công an quận Ô Môn thuộc Công an TP.Cần Thơ	Công an thành phố	Ô Môn	C	2019-2022	0876/QĐ-BCA-H02 30/10/2018	86.172	43.172			43.000	17.386	25.701						25.701	
2	Cơ sở làm việc Công an quận Cái Răng thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Cái Răng	C	2019-2021	7251/BCA-H02 ngày 13/11/2018	37.964	18.982			18.982	10.462	8.520						8.520	
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đất mở rộng Ban Chỉ huy quân sự huyện Thới Lai	BCH Quân sự thành phố	Thới Lai	C	2019-2022	14/QĐ-SKHĐT ngày 23/01/2019	3.418				3.418		1.088		-				1.088	
4	Ban CHQS huyện Thới Lai (giai đoạn 2)	BCH Quân sự thành phố	Thới Lai	C	2019-2021	242/QĐ-SKHĐT 11/10/2019	10.905				10.905	80	9.800						9.800	
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025	-					142.197	-	-	-	142.197	210	138.929	-	-	-	-	-	138.929	
1	Xây dựng các hạng mục trong Khu huấn luyện 1	BCH Quân sự thành phố	Phong Điền	C	2021-2023	375/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	49.172				49.172	210	48.654						48.654	
2	Xây dựng, cải tạo các huống hầm công sự cơ sở	Công an thành phố	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	12.360				12.360		11.940						11.940	
3	Đội Cảnh sát giao thông số 02 thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường bộ của Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Ô Môn	C	2022-2024	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	14.744				14.744		14.164						14.164	
4	Nhà tạm giữ công an quận Ô Môn	Công an thành phố	Ô Môn	C	2022-2024	11/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	24.545				24.545		24.163						24.163	
5	Trụ sở làm việc Thủy đội thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường thủy - Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Thốt Nốt	C	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	11.188				11.188		10.758						10.758	
6	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Cái Răng	C	2022-2024	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	12.216				12.216		11.726						11.726	
7	Trạm Cảnh sát giao thông thủy Vàm Thới An của Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Ô Môn	C	2022-2024	46/NQ-HĐND ngày 27/8/2021	8.504				8.504		8.124						8.124	
8	Dự án Mua sắm máy móc, trang thiết bị thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Ninh Kiều	C	2024-2025	01/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	9.470				9.470		9.470						9.470	
XV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	-					147.773	-	-	-	147.773	300	147.138	-	-	-	-	-	147.138	
**	Dự án khởi công mới	-					147.773	-	-	-	147.773	300	147.138	-	-	-	-	-	147.138	
1	Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phát thanh và truyền hình theo hướng truyền thông đa phương tiện	Đài PTTH thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2021-2025	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	147.773				147.773	300	147.138						147.138	

Phụ lục số III

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó		
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP			NSTW	NSĐP	
								NSTW	NSĐP				
	Tổng						**34.992.099**	**25.097.833**	**9.894.266**	**21.336.343**	**12.274.822**	**8.296.000**	**3.978.822**	
I	Giao thông						23.805.138	17.915.351	5.889.787	12.713.999	11.093.788	8.296.000	2.797.788	
*	*Dự án chuyển tiếp chậm tiến độ*						*240.757*	*0*	*240.757*	*71.555*	*169.202*	*0*	*169.202*	
1	Đường Thẳng Lợi 1 (Bờ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc đến Sáu Bọng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh	B	2019-2024		171.730	0	171.730	62.269	109.461		109.461	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
2	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ khu TĐC Trường ĐH Y dược Cần Thơ đến khu đô thị TĐC Cửu Long	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	C	2016-2023		69.027	0	69.027	9.286	59.741		59.741	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
**	*Dự án chuyển tiếp theo tiến độ*						*23.564.381*	*17.915.351*	*5.649.030*	*12.642.444*	*10.924.586*	*8.296.000*	*2.628.586*	
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối QL91 đến QL 61C)	Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều - Bình Thủy - Phong Điền - Ô Môn	A	2022-2026		6.601.551	2.000.000	4.601.551	4.316.444	2.285.107		2.285.107	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
4	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh - Cờ Đỏ - Thới Lai	A	2023-2027	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.000	8.725.000	1.000.000	5.087.000	4.638.000	4.338.000	300.000	
5	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2024-2027	1644/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	7.237.830	7.190.351	47.479	3.239.000	4.001.479	3.958.000	43.479	
II	Y tế						1.727.942	1.393.822	334.120	439.373	166.527	0	166.527	
*	*Dự án chuyển tiếp chậm tiến độ*						*1.727.942*	*1.393.822*	*334.120*	*439.373*	*166.527*	*0*	*166.527*	
1	Dự án Bệnh viện Ung Bướu TP Cần Thơ 500 giường	Sở Y tế	Ninh Kiều	A	2018-2026		1.727.942	1.393.822	334.120	439.373	166.527		166.527	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
III	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới						9.167.256	5.788.660	3.378.596	7.992.330	913.385	0	913.385	
*	*Dự án chuyển tiếp chậm tiến độ*						*9.167.256*	*5.788.660*	*3.378.596*	*7.992.330*	*913.385*	*0*	*913.385*	
1	Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)	Ban QLDA ODA	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2018-2026		9.167.256	5.788.660	3.378.596	7.992.330	913.385		913.385	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						196.763	0	196.763	168.681	28.082	0	28.082	
**	*Dự án chuyển tiếp theo tiến độ*						*196.763*	*0*	*196.763*	*168.681*	*28.082*	*0*	*28.082*	
1	Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2024-2026		196.763	0	196.763	168.681	28.082		28.082	
V	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						95.000	0	95.000	21.960	73.040	0	73.040	
**	*Dự án chuyển tiếp theo tiến độ*						*95.000*	*0*	*95.000*	*21.960*	*73.040*	*0*	*73.040*	
1	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2025-2026		95.000	0	95.000	21.960	73.040		73.040	

Phụ lục số IV

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030 THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
	TỔNG SỐ = A+B						**85.383.626**	**25.046.081**	**8.507.119**	**47.420.065**	**4.410.361**	**22.623.892**	**76.404.390**	
A	**Nguồn vốn thành phố quản lý = (1)+(2)+(3)+(4)+(5)**						**85.383.626**	**25.046.081**	**8.507.119**	**47.420.065**	**4.410.361**	**22.623.892**	**61.324.954**	
(1)	**Dự phòng (dành để bố trí cho các dự án cấp bách và các phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch)**													
(2)	**Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch**						**100.000**			**100.000**			**100.000**	
(3)	**Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất thành phố**						**1.000.000**			**1.000.000**			**1.000.000**	
(4)	**Cấp vốn điều lệ cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ**						**2.310.000**			**2.310.000**			**2.310.000**	
(5)	**Vốn thực hiện dự án**						**81.973.626**	**25.046.081**	**8.507.119**	**44.010.065**	**4.410.361**	**22.623.892**	**57.914.954**	
I	Giao thông						**43.495.731**	**21.915.351**	**5.311.350**	**15.846.910**	**422.120**	**12.713.999**	**30.846.436**	
**	***Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030***						***23.805.138***	***17.915.351***	***0***	***5.889.787***	***0***	***12.713.999***	***11.155.843***	
1	Đường Thắng Lợi 1 (Bờ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc đến Sáu Bọng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh	B	2019-2024		171.730			171.730		62.269	162.230	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
2	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ khu TĐC Trường ĐH Y dược Cần Thơ đến khu đô thị TĐC Cửu Long	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	C	2016-2023		69.027			69.027		9.286	69.027	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
3	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối QL91 đến QL 61C)	Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều - Bình Thủy - Phong Điền - Ô Môn	A	2022-2026		6.601.551	2.000.000		4.601.551		4.316.444	2.285.107	Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
4	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh - Cờ Đỏ - Thới Lai	A	2023-2027	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.000	8.725.000		1.000.000		5.087.000	4.638.000	
5	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2024-2027	1644/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	7.237.830	7.190.351		47.479		3.239.000	4.001.479	
***	***Dự án khởi công mới***						19.690.593	4.000.000	5.311.350	9.957.123	422.120	0	19.690.593	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
1	Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ – Dự án 1 (Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ và Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ)		Cái Răng - Phong Điền - Thới Lai - Ô Môn	A	2026-2030		8.780.160		5.311.350	3.046.690	422.120		8.780.160	
2	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đường Nguyễn Văn Cừ nối dài giai đoạn 2 (đoạn từ Mỹ Khánh đến Phong Điền), thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Phong Điền	B	2026-2030		703.271			703.271			703.271	
3	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu cuối xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		162.000			162.000			162.000	
4	Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Quốc lộ 80)	Sở Giao thông vận tải	Ô Môn - Thốt Nốt	B	2026-2030		7.500.000	4.000.000		3.500.000			7.500.000	
5	Đường tỉnh 920 (đoạn từ giao với đường Đặng Thanh Sử đến rạch Ô Môn) và nâng cấp mở rộng đường Đặng Thanh Sử	Sở Giao thông vận tải	Ô Môn	B	2026-2030		250.000			250.000			250.000	
6	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Tuyền - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Sở Giao thông vận tải	Bình Thủy	B	2026-2030		312.338			312.338			312.338	
7	Cải tạo, đầu tư hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mất an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng tại các đoạn tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	Ban An toàn giao thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		73.800			73.800			73.800	
8	Đường dẫn vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		600.000			600.000			600.000	
9	Tuyến tránh Trung tâm hành chính huyện	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		300.000			300.000			300.000	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Cầu Quận Đội đến QL91)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		303.521			303.521			303.521	
11	Xây dựng tuyến từ Đường Trần Hưng Đạo đến giáp bờ kè sông Ô Môn (đoạn cầu Bà Diêm)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		170.503			170.503			170.503	
12	Tuyến kết nối từ Đường tỉnh 921E đến Quốc lộ 91	UBND quận Thốt Nốt	Thạnh Hòa và Trung Kiên	B	2026-2030		450.000			450.000			450.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
13	Tuyến nối Đường tỉnh 921E (Đoạn từ tuyến tránh Thốt Nốt đến rạch Trà Bay)	UBND quận Thốt Nốt	Trung Nhứt	B	2026-2030		85.000			85.000			85.000	
II	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản						5.453.460	2.722.730	0	2.730.730	0	0	5.453.460	
***	***Dự án khởi công mới***						***5.453.460***	***2.722.730***	***0***	***2.730.730***	***0***	***0***	***5.453.460***	
1	Dự án Đảm bảo an ninh nguồn nước cho khu vực Tây sông Hậu và chống ngập úng, sạt lở cho thành phố Cần Thơ			A	2026-2030		2.722.730	2.722.730					2.722.730	
2	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, phường Trà An (từ cầu Trà Nóc đến cầu Xẻo Mây), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		570.000			570.000	0	-	570.000	
3	Nạo vét kênh Đứng	Chi cục Thủy lợi	Thới Lai - Cờ Đỏ - Thốt Nốt	C	2026-2030		30.000			30.000	0	-	30.000	
4	Kè chống sạt lở trên tuyến sông Cần Thơ tại khu vực Bia Tưởng niệm và Đình Thần Tân Thới, xã Tân Thới, huyện Phong Điền	Chi cục Thủy lợi	Phong Điền	C	2026-2030		15.000			15.000	0	-	15.000	
5	Kè chống sạt lở sông Cần Thơ (khu vực Vàm Rạch Sung – Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa 2), xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Phong Điền	C	2026-2030		20.000			20.000	0	-	20.000	
6	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Mỹ huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	
7	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trung Thạnh huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	
8	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Phú huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	
9	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân A huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
10	Nâng cao năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Cần Thơ (Cơ sở 1)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		29.230			29.230			29.230	
11	Nạo vét kênh Thốt Nốt	Chi cục Thủy lợi	Cờ Đỏ - Thốt Nốt	B	2026-2030		120.000			120.000	0	-	120.000	
12	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) - Giai đoạn 3: đoạn từ đối diện Rạch Ranh đến rạch Tầm Vu	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
13	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu đoạn từ rạch Tầm Vu đến đầu vàm sông Ô Môn), phường Thới An, quận Ô Môn	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		210.000			210.000	0	-	210.000	
14	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ bến đò Tầm Vu đến Rạch Ranh), quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		80.000			80.000	0	-	80.000	
15	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, phường Trà Nóc (từ cuối tường kè Trà Nóc đến rạch Cầu Cống), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
16	Kè chống sạt lở sông Bình Thủy (đoạn từ cầu Rạch Chanh đến cầu Rạch Cam), khu vực Bình Yên A, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
17	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Lộc huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	
18	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thới Hưng huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân ừ khởi công diến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
19	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000	
20	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) phường Tân Lộc quận Thốt Nốt	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thốt Nốt	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000	
21	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
22	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
23	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
24	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Phong Điền	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Phong Điền	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
25	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số phường thuộc quận Thốt Nốt	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thốt Nốt	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
26	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số phường thuộc quận Ô Môn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Ô Môn	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
27	Dự án đầu tư các hệ thống giám sát khai thác nước tại các hệ thống cấp nước nông thôn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	các quận huyện	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
28	Nâng cao năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Cần Thơ (Cơ sở 2)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		46.800			46.800			46.800	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư					Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP					
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương		
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
29	Bờ phải kênh Bò Ót (Từ cầu Bò Ót đến ngã ba vàm kênh Thắng Lợi	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		170.000			170.000			170.000	
30	Bờ Trái kênh Bò Ót (từ cầu Bò Ót ra Sông Hậu)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2026-2030		27.000			27.000			27.000	
31	Trên tuyến sông Hậu phía bờ phải (từ Cầu 3 tháng 2 đến Bến đò Trung Kiên)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		142.700			142.700			142.700	
III	**Y tế, dân số**						**4.285.980**	**158.000**	**1.395.350**	**2.732.630**	**0**	**683.773**	**2.478.637**	
*	***Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước***						***245.600***	***158.000***	***0***	***87.600***	***0***	***244.400***	***1.200***	
1	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2024-2025	1579/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	110.000	105.000		5.000		109.500	500	
2	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	TP.Cần Thơ	B	2024-2025	1578/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	135.600	53.000		82.600		134.900	700	
**	***Dự án chuyển tiếp***						***1.729.470***	***0***	***1.395.350***	***334.120***	***0***	***439.373***	***166.527***	
1	Dự án Bệnh viện Ung Bướu TP Cần Thơ 500 giường	Sở Y tế	Ninh Kiều	A	2018-2026		1.729.470		1.395.350	334.120		439.373	166.527	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
***	***Dự án khởi công mới***						***2.310.910***	***0***	***0***	***2.310.910***	***0***	***0***	***2.310.910***	
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Huyết học truyền máu Cần Thơ (100 giường)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		316.769			316.769			316.769	
2	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		918.141			918.141			918.141	
3	Mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp CT Scanner 128 lát cắt - Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	SỞ Y tế	Ninh Kiều	C	2026-2030		29.000			29.000			29.000	
4	Dự án Bệnh viện Tim mạch Cần Thơ quy mô 200 giường	Sở Y tế	Ô Môn	B	2026-2030		347.000			347.000			347.000	
5	Xây dựng Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	UBND quận Ô Môn	Ô Môn		2026-2030		700.000			700.000			700.000	
IV	**Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới**						20.391.729	0	1.800.419	14.603.069	3.988.241	8.446.232	11.587.956	
*	***Dự án chuyển tiếp chậm tiến độ***						***9.681.158***	***0***	***1.800.419***	***3.892.498***	***3.988.241***	***8.446.232***	***973.385***	
1	Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)	Ban QLĐA ODA	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2018-2026		9.167.256		1.800.419	3.378.596	3.988.241	7.992.330	913.385	Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
2	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)		huyện Vĩnh Thạnh	B	2749/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902			513.902		453.902	60.000	
***	***Dự án khởi công mới***						***10.710.571***	***0***	***0***	***10.710.571***	***0***	***0***	***10.614.571***	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
1	Khu tái định cư Thới Lai	UBND huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2026-2030		317.092			317.092			317.092	
2	Khu tái định cư Ô Môn (giai đoạn 2)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		294.000			294.000			294.000	
3	Khu tái định cư Phong Điền (giai đoạn 2)	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2026-2030		263.187			263.187			263.187	
4	Khu tái định cư (khu D)-Khu di tích Lộ Vòng Cung	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2026-2030		377.602			377.602			377.602	
5	Khu tái định cư Cái Răng (giai đoạn 2)	UBND quận Cái Răng	Cái Răng	B	2026-2030		463.000			463.000			463.000	
6	Khu tái định cư Ninh Kiều (giai đoạn 2)	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		357.538			357.538			357.538	
7	Khu tái định cư Cờ Đỏ	UBND huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2026-2030		209.422			209.422			209.422	
8	Khu tái định cư Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		960.000			960.000			864.000	
9	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Xây dựng hạ tầng tái định cư khu đất bãi công trường 6, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố	Cái Răng	B	2026-2030		192.719			192.719			192.719	
10	Khu Tái định cư số 05	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		325.000			325.000			325.000	
11	Xây dựng Khu tái định cư Thới An	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
12	Khu tái định cư An Bình (giai đoạn 2)	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		945.738			945.738			945.738	
13	Xây dựng Khu tái định cư Trường Lạc	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
14	Khu đô thị mới, tái định cư và chợ đầu mối nông sản tại phường Ba Láng, quận Cái Răng và xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cái Răng - Phong Điền	A	2026-2030		4.676.523			4.676.523			4.676.523	
15	Xây dựng Khu tái định cư Thới Hòa	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
16	Khu tái định cư Thới Thuận (giai đoạn 3)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		350.000			350.000			350.000	
V	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội**						3.468.212	0	0	3.468.212	0	570.829	2.899.542	
**	***Dự án chuyển tiếp***						***1.583.529***	***0***	***0***	***1.583.529***	***0***	***570.829***	***1.014.859***	
1	Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2024-2026		196.763			196.763		168.681	30.241	
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trung tâm văn hoá Tây Đô (giai đoạn 1)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Cái Răng	B	2017-2027		1.386.766			1.386.766		402.148	984.618	
***	***Dự án khởi công mới***						***1.884.683***	***0***	***0***	***1.884.683***	***0***	***0***	***1.884.683***	
1	Khu hành chính thành phố Cần Thơ						1.875.823			1.875.823			1.875.823	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân ừ khởi công diến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản Cần Thơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		490			490			490	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục Thuỷ sản Cần Thơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		870			870			870	
4	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục Phát triển nông thôn và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		1.000			1.000			1.000	
5	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phong Điền	C	2026-2030		3.000			3.000			3.000	
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường tại địa chỉ số 144A, đường Cách mạng tháng Tám, phường Cái Khế.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ninh Kiều	C	2026-2030		3.500			3.500			3.500	
VI	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**1.274.850**	**0**	**0**	**1.274.850**	**0**	**21.960**	**1.252.890**	
**	***Dự án chuyển tiếp***						***95.000***	***0***	***0***	***95.000***	***0***	***21.960***	***73.040***	
1	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2025-2026		95.000			95.000		21.960	73.040	
***	***Dự án khởi công mới***						***1.179.850***	***0***	***0***	***1.179.850***	***0***	***0***	***1.179.850***	
1	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (cơ sở 2)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Bình Thủy	B	2025-2026		454.492			454.492			454.492	
2	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Phan Văn Trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phong Điền	C	2025-2026		30.000			30.000			30.000	
3	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng Trường THPT Giai Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phong Điền	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000	
4	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS và THPT Thới Thạnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thới Lai	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000	
5	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Nguyễn Việt Hồng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ninh Kiều	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000	
6	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Lương Định Của	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ô Môn	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000	
7	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoằng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cờ Đỏ	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000	
8	Cải tạo khối phòng học 06 tầng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		1.600			1.600			1.600	
9	Xây dựng mới khối nhà thực hành trên sân thượng mái che tầng 4	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		1.200			1.200			1.200	
10	Trang thiết bị phục vụ giảng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		3.100			3.100			3.100	
11	Cải tạo, nâng cấp trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		15.000			15.000			15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
12	Mua sắm cải tạo, nâng cấp thiết bị dạy nghề được tài trợ từ nguồn vốn ODA và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		15.000			15.000			15.000	
13	Đầu tư nghề trọng điểm Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ, hạng mục: khối nhà tích hợp và thiết bị	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		30.000			30.000			30.000	
14	Hệ thống phòng cháy chữa cháy khu Ký túc xá	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		2.500			2.500			2.500	
15	Mua sắm và triển khai phần mềm quản lý toàn trường (giai đoạn 1) tại Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		2.500			2.500			2.500	
16	Dự án lắp đặt bổ sung hệ thống Phòng cháy chữa cháy và mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các khoa của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		14.469			14.469			14.469	
17	Cải tạo khu ở nội trú, khối nhà thực hành triển lãm Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		6.672			6.672			6.672	
18	Dự án Trang thiết bị phục vụ giảng dạy Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		3.317			3.317			3.317	
19	Xây dựng cơ sở 2 Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Bình Thủy	B	2025-2026		300.000			300.000			300.000	
20	Xây mới, nâng cấp mở rộng các trường trên địa bàn quận, huyện theo các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	TP.Cần Thơ	B	2025-2026		200.000			200.000			200.000	
VII	Bảo tàng						149.988	0	0	149.988	0	148.335	1.653	
*	***Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước***						***149.988***	***0***	***0***	***149.988***	***0***	***148.335***	***1.653***	
1	Thư viện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2024-2025	1321/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	149.988	0		149.988		148.335	1.653	
VIII	Xã hội						300.000	250.000	0	50.000	0	0	300.000	
***	***Dự án khởi công mới***						***300.000***	***250.000***	***0***	***50.000***	***0***	***0***	***300.000***	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cờ Đỏ	B	2026-2030		170.000	170.000					170.000	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phong Điền	B	2026-2030		105.000	80.000		25.000			105.000	
3	Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ quận Ô Môn	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	C	2026-2030		25.000			25.000			25.000	
IX	Quốc phòng, - An ninh và trật tự, an toàn xã hội						1.299.877	0	0	1.299.877	0	50	1.299.877	
***	***Dự án khởi công mới***						***1.299.877***	***0***	***0***	***1.299.877***	***0***	***50***	***1.299.877***	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
1	Mua sắm thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Công an thành phố	TPCT	B	2026-2030		60.000			60.000		50	60.000	
2	Nhà tạm giữ Công an quận Ninh Kiều	Công an thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		27.801			27.801			27.801	
3	Nhà tạm giữ Công an quận Cái Răng	Công an thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894	
4	Mở rộng Nhà tạm giữ Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	B	2026-2030		63.500			63.500			63.500	
6	Nhà tạm giữ Công an huyện Thới Lai	Công an thành phố	Thới Lai	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894	
7	Nhà tạm giữ Công an huyện Cờ Đỏ	Công an thành phố	Cờ Đỏ	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894	
8	Nhà tạm giữ Công an huyện Phong Điền	Công an thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894	
9	Trụ sở làm việc Công an phường Xuân Khánh thuộc Công an quận Ninh Kiều	Công an thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		14.800			14.800			14.800	
10	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Phong Điền	Công an thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		43.366			43.366			43.366	
11	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Cờ Đỏ	Công an thành phố	Cờ Đỏ	C	2026-2030		29.231			29.231			29.231	
12	Trụ sở làm việc Công an phường Trà Nóc thuộc Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		25.000			25.000			25.000	
13	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		28.353			28.353			28.353	
14	Mở rộng trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		32.500			32.500			32.500	
5	Trụ sở làm việc Công an huyện Vĩnh Thạnh thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		70.000			70.000			70.000	
15	Bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đất Trạm 23 (giải quyết tranh chấp)	Công an thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		80.000			80.000			80.000	
16	Sửa chữa kho vũ khí - đạn	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		23.500			23.500			23.500	
17	Sửa chữa nhà công vụ tại Ban CHQS quận Ninh Kiều	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		2.900			2.900			2.900	
18	Sửa chữa hồ bơi huấn luyện	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		5.500			5.500			5.500	
19	Sửa chữa Tiểu đoàn 410/Trung đoàn 932	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Ô Môn	C	2026-2030		14.900			14.900			14.900	
20	Bệnh viện Quân dân y (gđ3)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cờ Đỏ	B	2026-2030		50.000			50.000			50.000	
21	Xây dựng hàng rào bảo vệ kho vũ khí	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		14.000			14.000			14.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân ứ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
22	Sửa chữa nhà sỹ quan độc thân	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		3.000			3.000			3.000	
23	Xây dựng nhà công vụ tại Ban CHQS quận Bình Thủy	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
24	Dự án Trang bị phòng họp không giấy, hệ thống giao ban trực tuyến và mở rộng hạ tầng mạng máy tính quân sự	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
25	Xây dựng, sửa chữa các vọng quan sát phòng không trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		10.050			10.050			10.050	
26	Mua sắm thiết bị thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		6.900			6.900			6.900	
27	Sửa chữa Trụ sở Bộ Chỉ huy	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		14.500			14.500			14.500	
28	Trường bắn đồng bằng sông Cửu Long (gđ2)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cờ Đỏ	B	2026-2030		261.900			261.900			261.900	
29	Đại đội Trinh sát Cơ giới	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Bình Thủy	B	2026-2030		126.600			126.600			126.600	
30	Khu huấn luyện 1 (gđ2)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	B	2026-2030		199.000			199.000			199.000	
X	**Văn hóa - Thể dục thể thao**						**677.000**	**0**	**0**	**677.000**	**0**	**0**	**677.000**	
***	***Dự án khởi công mới***						***677.000***	***0***	***0***	***677.000***	***0***	***0***	***677.000***	
1	Cải tạo, sửa chữa trường Năng khiếu thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		5.000			5.000			5.000	
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa sân vận động Cần Thơ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
3	Cải tạo, sửa chữa đường chạy và mặt sân sân vận động Cần Thơ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
4	Dự án: Cải tạo cổng hàng rào, sân trước Bảo tàng thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		7.000			7.000			7.000	
5	Công trình Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		20.000			20.000			20.000	
6	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Trung Tâm Văn hoá thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000	
7	Cải tạo, sửa chữa Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000	
8	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thới Luông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ô Môn	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
9	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Cái Sâu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cái Răng	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
10	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Trung An	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cờ Đỏ	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
11	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thới Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thốt Nốt	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
12	Tu bổ tôn tạo di tích Chiến Thắng Ông Hào	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong điền	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
13	Tu bổ tôn tạo di tích Mộ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000	
14	Tu bổ tôn tạo di tích Căn cứ Ban chỉ huy tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Cần Thơ (Căn cứ Vườn Mận)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000	
15	Tu bổ, tôn tạo Nhà việc làng Tân An (Dinh Xã Tây), tại số 61 đường Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000	
16	Nâng cấp, sữa chữa Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
17	Đầu tư hệ thống quản lý số di tích, di sản cho Bảo tàng thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
18	Công trình Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích Kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		20.000			20.000			20.000	
19	Di tích lịch sử Địa điểm căn cứ Huyện ủy Ô Môn (1971-1975) (gọi tắt là Căn cứ Lò Mo)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thới Lai	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000	
20	Cải tạo, sửa chữa Nhà Hát Tây Đô	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
21	Xây dựng Di tích Đặc uỷ ANCS Đảng Hậu Giang - mở rộng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	B	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
22	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Nhơn Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong Điền	B	2026-2030		120.000			120.000	0		120.000	
23	Công trình Xây dựng trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ tại Khu Hậu cứ Đoàn Cải lương Tây Đô (giai đoạn 1)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong Điền	B	2026-2030		100.000			100.000			100.000	
24	Xây dựng Nhà hát lớn thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cái Răng	B	2026-2030		200.000			200.000			200.000	
XI	**Khoa học, Công nghệ**						126.502	0	0	126.502	0	38.714	87.765	
**	***Dự án chuyển tiếp***						*96.002*	*0*	*0*	*96.002*	*0*	*38.377*	*57.602*	
1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		59.996			59.996		20.197	39.776	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
2	Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	2026-2030		36.006			36.006		18.180	17.826	
***	***Dự án khởi công mới***						***30.500***	***0***	***0***	***30.500***	***0***	***337***	***30.163***	
1	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ	Ô Môn	Ô Môn	C	2026-2030		30.500			30.500		337	30.163	
XII	**Kho tàng**						51.059	0	0	51.059	0	0	**30.500**	
***	***Dự án khởi công mới***						***51.059***	***0***	***0***	***51.059***	***0***	***0***	***30.500***	
1	Cung cấp Hệ thống điều hòa không khí, máy hút ẩm, trang thiết bị chuyên dụng cho dự án Kho lưu trữ chuyên dụng thành phố Cần Thơ	Sở Nội vụ	Cái Răng	C	2026-2030		51.059			51.059			30.500	
XIII	**Phát thanh, truyền hình, thông tấn**						**260.000**	0	0	260.000	0	0	**260.000**	
***	***Dự án khởi công mới***						***260.000***	***0***	***0***	***260.000***	***0***	***0***	***260.000***	
1	Dự án Chuyển đổi số công tác phát thanh truyền hình và nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ	Đài PTTH thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2026-2030		260.000			260.000			260.000	
XIV	**Thông tin, Công nghệ thông tin**						**229.187**	0	0	229.187	0	0	229.187	
***	***Dự án khởi công mới***						***229.187***	***0***	***0***	***229.187***	***0***	***0***	***229.187***	
1	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ	Sở Thông tin và Truyền thông	Ninh Kiều	C	2026-2030		34.187			34.187			34.187	
2	Dự án Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu đáp ứng triển khai nhiệm vụ Đề án 06, chuyển đổi số thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		100.000			100.000			100.000	
3	Dự án Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform)	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
4	Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT thiết yếu phục vụ triển khai Đề án 06	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
5	Dự án Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động chuyển đổi số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2030	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
XV	**Tài nguyên, Môi trường**						510.051	0	0	510.051	0	0	510.051	
*****	***Dự án khởi công mới***						***510.051***	***0***	***0***	***510.051***	***0***	***0***	***510.051***	
1	Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Cờ Đỏ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cờ Đỏ	B	2026-2030		103.051			103.051			103.051	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
2	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 thành phố Cần Thơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		80.000			80.000			80.000	
3	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố cần thơ (các đơn vị cấp xã, các cơ sở dữ liệu thành phần còn lại gồm: quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Cái Răng và huyện Phong Điền)	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		300.000			300.000			300.000	
4	Dự án Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhà Trạm và mua sắm vật tư tiêu hao, thay thế cho các Trạm quan trắc tự động, liên tục, cố định trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		17.000			17.000			17.000	
5	Dự án Tăng cường trang thiết bị quan trắc hiện trường và phân tích phòng thử nghiệm	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	
B	**Vốn phân chia theo tiêu chí định mức cho quận, huyện**						**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15.079.436**	
1	UBND quận Ninh Kiều												2.029.074	
2	UBND quận Bình Thủy												1.464.124	
3	UBND quận Cái Răng												1.259.492	
4	UBND quận Ô Môn												2.188.099	
5	UBND quận Thốt Nốt												1.629.000	
6	UBND huyện Phong Điền												1.222.619	
7	UBND huyện Cờ Đỏ												1.855.068	
8	UBND huyện Thới Lai												1.805.682	
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh												1.626.278	

Phụ lục số V

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030 THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
	TỔNG SỐ = A+B						71.966.891	25.046.081	8.507.119	34.003.330	4.410.361	22.623.892	56.781.850	16.134.380	5.311.350	34.914.000	422.120	
A	**Nguồn vốn thành phố quản lý = (1)+(2)+(3)+(4)+(5)**						71.966.891	25.046.081	8.507.119	34.003.330	4.410.361	22.623.892	45.261.950	16.134.380	5.311.350	23.394.100	422.120	
(1)	**Dự phòng (dành để bố trí cho các dự án cấp bách và các phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch)**												1.000.000			1.000.000		
(2)	**Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch**						100.000			100.000			100.000			100.000		
(3)	**Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất thành phố**						1.000.000			1.000.000			500.000			500.000		
(4)	**Cấp vốn điều lệ cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ**						2.310.000			2.310.000			500.000			500.000		
(5)	**Vốn thực hiện dự án**						68.556.891	25.046.081	8.507.119	30.593.330	4.410.361	22.623.892	43.161.950	16.134.380	5.311.350	21.294.100	422.120	
I	Giao thông						41.586.707	21.915.351	5.311.350	13.937.886	422.120	12.713.999	28.913.612	12.296.000	5.311.350	10.884.142	422.120	
**	*Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030*						*23.805.138*	*17.915.351*	*0*	*5.889.787*	*0*	*12.713.999*	*11.155.843*	*8.296.000*	*0*	*2.859.843*	*0*	
1	Đường Thắng Lợi 1 (Bờ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc đến Sáu Bọng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh	B	2019-2024		171.730			171.730		62.269	162.230			162.230		Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
2	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ khu TĐC Trường ĐH Y dược Cần Thơ đến khu đô thị TĐC Cửu Long	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	C	2016-2023		69.027			69.027		9.286	69.027			69.027		Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
3	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối QL91 đến QL 61C)	Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều - Bình Thủy - Phong Điền - Ô Môn	A	2022-2026		6.601.551	2.000.000		4.601.551		4.316.444	2.285.107			2.285.107		Điều chỉnh tăng quy mô, tăng tổng mức đầu tư
4	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Vĩnh Thạnh - Cờ Đỏ - Thới Lai	A	2023-2027	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9.725.000	8.725.000		1.000.000		5.087.000	4.638.000	4.338.000		300.000		
5	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2024-2027	1644/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	7.237.830	7.190.351		47.479		3.239.000	4.001.479	3.958.000	-	43.479		
***	*Dự án khởi công mới*						17.781.569	4.000.000	5.311.350	8.048.099	422.120	0	17.757.769	4.000.000	5.311.350	8.024.299	422.120	
1	Dự án Phát triển mạng lưới giao thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ – Dự án 1 (Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ và Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ)		Cái Răng - Phong Điền - Thới Lai - Ô Môn	A	2026-2030		8.780.160		5.311.350	3.046.690	422.120		8.780.160		5.311.350	3.046.690	422.120	
2	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đường Nguyễn Văn Cừ nối dài giai đoạn 2 (đoạn từ Mỹ Khánh đến Phong Điền), thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Phong Điền	B	2026-2030		703.271			703.271			703.271			703.271		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
3	Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu cuối xe buýt trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		162.000			162.000			162.000			162.000		
4	Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Quốc lộ 80)	Sở Giao thông vận tải	Ô Môn - Thốt Nốt	B	2026-2030		7.500.000	4.000.000		3.500.000			7.500.000	4.000.000		3.500.000		
5	Đường tỉnh 920 (đoạn từ giao với đường Đặng Thanh Sử đến rạch Ô Môn) và nâng cấp mở rộng đường Đặng Thanh Sử	Sở Giao thông vận tải	Ô Môn	B	2026-2030		250.000			250.000			250.000			250.000		
6	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Tuyền - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Sở Giao thông vận tải	Bình Thủy	B	2026-2030		312.338			312.338			312.338			312.338		
7	Cải tạo, đầu tư hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mất an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng tại các đoạn tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	Ban An toàn giao thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		73.800			73.800			50.000			50.000		
II	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản						3.626.960	2.722.730	0	904.230	0	0	3.626.960	2.988.380	0	638.580	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*3.626.960*	*2.722.730*	*0*	*904.230*	*0*	*0*	*3.626.960*	*2.988.380*	*0*	*638.580*	*0*	
1	Dự án Đảm bảo an ninh nguồn nước cho khu vực Tây sông Hậu và chống ngập úng, sạt lở cho thành phố Cần Thơ			A	2026-2030		2.722.730	2.722.730					2.722.730	2.722.730				
2	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, phường Trà An (từ cầu Trà Nóc đến cầu Xẻo Mây), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		570.000			570.000	0	-	570.000	265.650		304.350	0	
3	Nạo vét kênh Đứng	Chi cục Thủy lợi	Thới Lai - Cờ Đỏ - Thốt Nốt	C	2026-2030		30.000			30.000	0	-	30.000			30.000	0	
4	Kè chống sạt lở trên tuyến sông Cần Thơ tại khu vực Bia Tưởng niệm và Đình Thần Tân Thới, xã Tân Thới, huyện Phong Điền	Chi cục Thủy lợi	Phong Điền	C	2026-2030		15.000			15.000	0	-	15.000			15.000	0	
5	Kè chống sạt lở sông Cần Thơ (khu vực Vàm Rạch Sung – Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa 2), xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Phong Điền	C	2026-2030		20.000			20.000	0	-	20.000			20.000	0	
6	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Mỹ huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000			60.000		
7	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trung Thạnh huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000			60.000		
8	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Phú huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000			60.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư					Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP					NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài								
9	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân A huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000			60.000		
10	Nâng cao năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Cần Thơ (Cơ sở 1)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		29.230			29.230			29.230			29.230		
III	Y tế, dân số						3.585.980	158.000	1.395.350	2.032.630	0	683.773	1.778.637	600.000	0	1.178.637	0	
*	*Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước*						*245.600*	*158.000*	*0*	*87.600*	*0*	*244.400*	*1.200*	*0*	*0*	*1.200*	*0*	
1	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2024-2025	1579/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	110.000	105.000		5.000		109.500	500			500		
2	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	TP.Cần Thơ	B	2024-2025	1578/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	135.600	53.000		82.600		134.900	700			700		
**	*Dự án chuyển tiếp*						*1.729.470*	*0*	*1.395.350*	*334.120*	*0*	*439.373*	*166.527*	*0*	*0*	*166.527*	*0*	
1	Dự án Bệnh viện Ung Bướu TP Cần Thơ 500 giường	Sở Y tế	Ninh Kiều	A	2018-2026		1.729.470		1.395.350	334.120		439.373	166.527			166.527		Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
***	*Dự án khởi công mới*						*1.610.910*	*0*	*0*	*1.610.910*	*0*	*0*	*1.610.910*	*600.000*	*0*	*1.010.910*	*0*	
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Huyết học truyền máu Cần Thơ (100 giường)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		316.769			316.769			316.769	100.000		216.769		
2	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		918.141			918.141			918.141	500.000		418.141		
3	Mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp CT Scanner 128 lát cắt - Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	SỞ Y tế	Ninh Kiều	C	2026-2030		29.000			29.000			29.000			29.000		
4	Dự án Bệnh viện Tim mạch Cần Thơ quy mô 200 giường	Sở Y tế	Ô Môn	B	2026-2030		347.000			347.000			347.000			347.000		
IV	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới						13.440.718	0	1.800.419	7.652.058	3.988.241	8.446.232	4.236.945	0	0	4.236.945	0	
*	*Dự án chuyển tiếp chậm tiến độ*						*9.681.158*	*0*	*1.800.419*	*3.892.498*	*3.988.241*	*8.446.232*	*973.385*	*0*	*0*	*973.385*	*0*	
1	Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)	Ban QLDA ODA	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2018-2026		9.167.256		1.800.419	3.378.596	3.988.241	7.992.330	913.385			913.385		Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn sang sử dụng vốn trong nước
2	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)		huyện Vĩnh Thạnh	B	2749/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902			513.902		453.902	60.000			60.000		
***	*Dự án khởi công mới*						*3.759.560*	*0*	*0*	*3.759.560*	*0*	*0*	*3.263.560*	*0*	*0*	*3.263.560*	*0*	
1	Khu tái định cư Thới Lai	UBND huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2026-2030		317.092			317.092			317.092			317.092		
2	Khu tái định cư Ô Môn (giai đoạn 2)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		294.000			294.000			294.000			294.000		
3	Khu tái định cư Phong Điền (giai đoạn 2)	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2026-2030		263.187			263.187			263.187			263.187		
4	Khu tái định cư (khu D)-Khu di tích Lộ Vòng Cung	UBND huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2026-2030		377.602			377.602			377.602			377.602		
5	Khu tái định cư Cái Răng (giai đoạn 2)	UBND quận Cái Răng	Cái Răng	B	2026-2030		463.000			463.000			463.000			463.000		
6	Khu tái định cư Ninh Kiều (giai đoạn 2)	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		357.538			357.538			357.538			357.538		
7	Khu tái định cư Cờ Đỏ	UBND huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2026-2030		209.422			209.422			209.422			209.422		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
8	Khu tái định cư Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		960.000			960.000			464.000			464.000		
9	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Xây dựng hạ tầng tái định cư khu đất bãi công trường 6, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố	Cái Răng	B	2026-2030		192.719			192.719			192.719			192.719		
10	Khu Tái định cư số 05	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		325.000			325.000			325.000			325.000		
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						3.468.212	0	0	3.468.212	0	570.829	2.406.599	0	0	2.406.599	0	
**	*Dự án chuyển tiếp*						*1.583.529*	*0*	*0*	*1.583.529*	*0*	*570.829*	*521.916*	*0*	*0*	*521.916*	*0*	
1	Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Ninh Kiều	B	2024-2026		196.763			196.763		168.681	30.241			30.241		
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trung tâm văn hoá Tây Đô (giai đoạn 1)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Cái Răng	B	2017-2027		1.386.766			1.386.766		402.148	491.675			491.675		
***	*Dự án khởi công mới*						*1.884.683*	*0*	*0*	*1.884.683*	*0*	*0*	*1.884.683*	*0*	*0*	*1.884.683*	*0*	
1	Khu hành chính thành phố Cần Thơ						1.875.823			1.875.823			1.875.823			1.875.823		
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản Cần Thơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		490			490			490			490		
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục Thuỷ sản Cần Thơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		870			870			870			870		
4	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Chi cục Phát triển nông thôn và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ninh Kiều	C	2026-2030		1.000			1.000			1.000			1.000		
5	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Phong Điền	C	2026-2030		3.000			3.000			3.000			3.000		
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường tại địa chỉ số 144A, đường Cách mạng tháng Tám, phường Cái Khế	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ninh Kiều	C	2026-2030		3.500			3.500			3.500			3.500		
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						1.074.850	0	0	1.074.850	0	21.960	843.364	0	0	843.364	0	
**	*Dự án chuyển tiếp*						*95.000*	*0*	*0*	*95.000*	*0*	*21.960*	*73.040*	*0*	*0*	*73.040*	*0*	
1	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2025-2026		95.000			95.000		21.960	73.040			73.040		
***	*Dự án khởi công mới*						*979.850*	*0*	*0*	*979.850*	*0*	*0*	*770.324*	*0*	*0*	*770.324*	*0*	
1	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (cơ sở 2)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố	Bình Thủy	B	2025-2026		454.492			454.492			454.492			454.492		
2	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Phan Văn Trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phong Điền	C	2025-2026		30.000			30.000			30.000			30.000		
3	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng Trường THPT Giai Xuân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phong Điền	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000			20.000		
4	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS và THPT Thới Thạnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thới Lai	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000			20.000		
5	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Nguyễn Việt Hồng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ninh Kiều	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000			20.000		
6	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Lương Định Của	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ô Môn	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000			20.000		
7	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS và THPT Trần Ngọc Hoằng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cờ Đỏ	C	2025-2026		20.000			20.000			20.000			20.000		
8	Cải tạo khối phòng học 06 tầng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		1.600			1.600			1.600			1.600		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư					Dự kiến lũy kế giải ngân ư khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP					NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài								
9	Xây dựng mới khối nhà thực hành trên sân thượng mái che tầng 4	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		1.200			1.200			1.200			1.200		
10	Trang thiết bị phục vụ giảng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		3.100			3.100			3.100			3.100		
11	Cải tạo, nâng cấp trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		15.000			15.000			15.000			15.000		
12	Mua sắm cải tạo, nâng cấp thiết bị dạy nghề được tài trợ từ nguồn vốn ODA và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		15.000			15.000			15.000			15.000		
13	Đầu tư nghề trọng điểm Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ, hạng mục: khối nhà tích hợp và thiết bị	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		30.000			30.000			30.000			30.000		
14	Hệ thống phòng cháy chữa cháy khu Ký túc xá	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		2.500			2.500			2.500			2.500		
15	Mua sắm và triển khai phần mềm quản lý toàn trường (giai đoạn 1) tại Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ	Bình Thủy	C	2025-2026		2.500			2.500			2.500			2.500		
16	Dự án lắp đặt bổ sung hệ thống Phòng cháy chữa cháy và mua sắm trang thiết bị bổ sung cho các khoa của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		14.469			14.469			14.469			14.469		
17	Cải tạo khu ở nội trú, khối nhà thực hành triển lãm Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		6.672			6.672			6.672			6.672		
18	Dự án Trang thiết bị phục vụ giảng dạy Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025-2026		3.317			3.317			3.317			3.317		
19	Xây dựng cơ sở 2 Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Bình Thủy	B	2025-2026		300.000			300.000			90.474			90.474		
VII	Bảo tàng						149.988	0	0	149.988	0	148.335	1.653	0	0	1.653	0	
*	*Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước*						*149.988*	*0*	*0*	*149.988*	*0*	*148.335*	*1.653*	*0*	*0*	*1.653*	*0*	
1	Thư viện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2024-2025	1321/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	149.988	0		149.988		148.335	1.653			1.653		
VIII	Xã hội						300.000	250.000	0	50.000	0	0	300.000	250.000	0	50.000	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*300.000*	*250.000*	*0*	*50.000*	*0*	*0*	*300.000*	*250.000*	*0*	*50.000*	*0*	
1	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cờ Đỏ	B	2026-2030		170.000	170.000					170.000	170.000				
2	Trung tâm điều dưỡng người có công thành phố Cần Thơ	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phong Điền	B	2026-2030		105.000	80.000		25.000			105.000	80.000		25.000		
3	Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ quận Ô Môn	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	C	2026-2030		25.000			25.000			25.000			25.000		
IX	Quốc phòng, - An ninh và trật tự, an toàn xã hội						357.677	0	0	357.677	0	50	357.677	0	0	357.677	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*357.677*	*0*	*0*	*357.677*	*0*	*50*	*357.677*	*0*	*0*	*357.677*	*0*	
1	Mua sắm thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Công an thành phố	TPCT	B	2026-2030		60.000			60.000		50	60.000			60.000		
2	Nhà tạm giữ Công an quận Ninh Kiều	Công an thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		27.801			27.801			27.801			27.801		
3	Nhà tạm giữ Công an quận Cái Răng	Công an thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894			16.894		
4	Mở rộng Nhà tạm giữ Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	B	2026-2030		63.500			63.500			63.500			63.500		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân ủ khởi công điến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW				
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
5	Nhà tạm giữ Công an huyện Thới Lai	Công an thành phố	Thới Lai	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894			16.894		
6	Nhà tạm giữ Công an huyện Cờ Đỏ	Công an thành phố	Cờ Đỏ	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894			16.894		
7	Nhà tạm giữ Công an huyện Phong Điền	Công an thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		16.894			16.894			16.894			16.894		
8	Sửa chữa kho vũ khí - đạn	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		23.500			23.500			23.500			23.500		
9	Sửa chữa nhà công vụ tại Ban CHQS quận Ninh Kiều	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		2.900			2.900			2.900			2.900		
10	Sửa chữa bể bơi huấn luyện	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		5.500			5.500			5.500			5.500		
11	Sửa chữa Tiểu đoàn 410/Trung đoàn 932	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Ô Môn	C	2026-2030		14.900			14.900			14.900			14.900		
12	Bệnh viện Quân dân y (gđ3)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cờ Đỏ	B	2026-2030		50.000			50.000			50.000			50.000		
13	Xây dựng hàng rào bảo vệ kho vũ khí	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		14.000			14.000			14.000			14.000		
14	Sửa chữa nhà sỹ quan độc thân	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		3.000			3.000			3.000			3.000		
15	Xây dựng nhà công vụ tại Ban CHQS quận Bình Thủy	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000			15.000		
16	Dự án Trang bị phòng họp không giấy, hệ thống giao ban trực tuyến và mở rộng hạ tầng mạng máy tính quân sự	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
X	Văn hóa - Thể dục thể thao						196.000	0	0	196.000	0	0	196.000	0	0	196.000	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*196.000*	*0*	*0*	*196.000*	*0*	*0*	*196.000*	*0*	*0*	*196.000*	*0*	
1	Cải tạo, sửa chữa trường Năng khiếu thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		5.000			5.000			5.000			5.000		
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa sân vận động Cần Thơ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000			15.000		
3	Cải tạo, sửa chữa đường chạy và mặt sân sân vận động Cần Thơ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
4	Dự án: Cải tạo cổng hàng rào, sân trước Bảo tàng thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		7.000			7.000			7.000			7.000		
5	Công trình Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		20.000			20.000			20.000			20.000		
6	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Trung Tâm Văn hoá thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000			9.000		
7	Cải tạo, sửa chữa Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000			6.000		
8	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thới Luông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ô Môn	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
9	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Cái Sâu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cái Răng	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
10	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Trung An	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cờ Đỏ	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
11	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thới Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thốt Nốt	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
12	Tu bổ tôn tạo di tích Chiến Thắng Ông Hào	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong điền	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000			15.000		
13	Tu bổ tôn tạo di tích Mộ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000			6.000		
14	Tu bổ tôn tạo di tích Căn cứ Ban chỉ huy tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Cần Thơ (Căn cứ Vườn Mận)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000			9.000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân ứ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW				
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
15	Tu bổ, tôn tạo Nhà việc làng Tân An (Dinh Xã Tây), tại số 61 đường Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		9.000			9.000			9.000			9.000		
16	Nâng cấp, sữa chữa Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000			15.000		
17	Đầu tư hệ thống quản lý số di tích, di sản cho Bảo tàng thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000			10.000		
18	Công trình Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		20.000			20.000			20.000			20.000		
XI	Khoa học, Công nghệ						126.502	0	0	126.502	0	38.714	87.765	0	0	87.765	0	
**	*Dự án chuyển tiếp*						*96.002*	*0*	*0*	*96.002*	*0*	*38.377*	*57.602*	*0*	*0*	*57.602*	*0*	
1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		59.996			59.996		20.197	39.776			39.776		
2	Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	2026-2030		36.006			36.006		18.180	17.826			17.826		
***	*Dự án khởi công mới*						*30.500*	*0*	*0*	*30.500*	*0*	*337*	*30.163*	*0*	*0*	*30.163*	*0*	
1	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ	Ô Môn	Ô Môn	C	2026-2030		30.500			30.500		337	30.163			30.163		
XII	Kho tàng						51.059	0	0	51.059	0	0	30.500	0	0	30.500	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*51.059*	*0*	*0*	*51.059*	*0*	*0*	*30.500*	*0*	*0*	*30.500*	*0*	
1	Cung cấp Hệ thống điều hòa không khí, máy hút ẩm, trang thiết bị chuyên dụng cho dự án Kho lưu trữ chuyên dụng thành phố Cần Thơ	Sở Nội vụ	Cái Răng	C	2026-2030		51.059			51.059			30.500			30.500		
XIII	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						260.000	0	0	260.000	0	0	50.000	0	0	50.000	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*260.000*	*0*	*0*	*260.000*	*0*	*0*	*50.000*	*0*	*0*	*50.000*	*0*	
1	Dự án Chuyển đổi số công tác phát thanh truyền hình và nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ	Đài PTTH thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2026-2030		260.000			260.000			50.000			50.000		
XIV	Thông tin, Công nghệ thông tin						149.187	0	0	149.187	0	0	149.187	0	0	149.187	0	
***	*Dự án khởi công mới*						*149.187*	*0*	*0*	*149.187*	*0*	*0*	*149.187*	*0*	*0*	*149.187*	*0*	
1	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ	Sở Thông tin và Truyền thông	Ninh Kiều	C	2026-2030		34.187			34.187			34.187			34.187		
2	Dự án Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu đáp ứng triển khai nhiệm vụ Đề án 06, chuyển đổi số thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	TP Cần Thơ	B	2026-2030		100.000			100.000			100.000			100.000		
3	Dự án Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform)	Sở Thông tin và Truyền thông	TP Cần Thơ	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000			15.000		
XV	Tài nguyên, Môi trường						183.051	0	0	183.051	0	0	183.051	0	0	183.051	0	
*****	*Dự án khởi công mới*						*183.051*	*0*	*0*	*183.051*	*0*	*0*	*183.051*	*0*	*0*	*183.051*	*0*	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						TỔNG SỐ	Trong đó gồm các nguồn vốn				
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương	
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
1	Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Cờ Đỏ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cờ Đỏ	B	2026-2030		103.051			103.051			103.051			103.051		
2	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 thành phố Cần Thơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		80.000			80.000			80.000			80.000		
B	**Vốn phân chia theo tiêu chí định mức cho quận, huyện**						**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	11.519.900	**0**	**0**	11.519.900	0	
1	UBND quận Ninh Kiều												1.659.760			1.659.760		
2	UBND quận Bình Thủy												1.197.637			1.197.637		
3	UBND quận Cái Răng												1.030.251			1.030.251		
4	UBND quận Ô Môn												1.225.506			1.225.506		
5	UBND quận Thốt Nốt												1.294.296			1.294.296		
6	UBND huyện Phong Điền												1.000.090			1.000.090		
7	UBND huyện Cờ Đỏ												1.305.055			1.305.055		
8	UBND huyện Thới Lai												1.477.028			1.477.028		
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh												1.330.277			1.330.277		

Phụ lục số VI

BẢNG TỔNG HỢP DỰ ÁN CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030 THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Dự chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
	TỔNG SỐ						**13.416.735**	**0**	**0**	**13.416.735**	**0**	**0**	**13.416.735**	
I	**Giao thông**						**1.909.024**	**0**	**0**	**1.909.024**	**0**	**0**	**1.909.024**	
1	Đường dẫn vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		600.000			600.000			600.000	
2	Tuyến tránh Trung tâm hành chính huyện	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		300.000			300.000			300.000	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Cầu Quận Đội đến QL91)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		303.521			303.521			303.521	
4	Xây dựng tuyến từ Đường Trần Hưng Đạo đến giáp bờ kè sông Ô Môn (đoạn cầu Bà Diễm)	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		170.503			170.503			170.503	
5	Tuyến kết nối từ Đường tỉnh 921E đến Quốc lộ 91	UBND quận Thốt Nốt	Thạnh Hòa và Trung Kiên	B	2026-2030		450.000			450.000			450.000	
6	Tuyến nối Đường tỉnh 921E (Đoạn từ tuyến tránh Thốt Nốt đến rạch Trà Bay)	UBND quận Thốt Nốt	Trung Nhứt	B	2026-2030		85.000			85.000			85.000	
II	**Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản**						**1.826.500**	0	0	**1.826.500**	0	0	**1.826.500**	
1	Nạo vét kênh Thốt Nốt	Chi cục Thủy lợi	Cờ Đỏ - Thốt Nốt	B	2026-2030		120.000			120.000	0	-	120.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
2	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) - Giai đoạn 3: đoạn từ đối diện Rạch Ranh đến rạch Tầm Vu	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
3	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu đoạn từ rạch Tầm Vu đến đầu vàm sông Ô Môn), phường Thới An, quận Ô Môn	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		210.000			210.000	0	-	210.000	
4	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ bến đò Tầm Vu đến Rạch Ranh), quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Ô Môn	B	2026-2030		80.000			80.000	0	-	80.000	
5	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, phường Trà Nóc (từ cuối tường kè Trà Nóc đến rạch Cầu Cống), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
6	Kè chống sạt lở sông Bình Thủy (đoạn từ cầu Rạch Chanh đến cầu Rạch Cam), khu vực Bình Yên A, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Chi cục Thủy lợi	Bình Thủy	B	2026-2030		100.000			100.000	0	-	100.000	
7	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thạnh Lộc huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
8	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Thới Hưng huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		60.000			60.000	0		60.000	
9	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) xã Trường Xuân huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000	
10	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt công suất từ 20.000m3/ngày đêm trở lên (hạn chế khai thác nước ngầm) phường Tân Lộc quận Thốt Nốt	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thốt Nốt	C	2026-2030		60.000			60.000			60.000	
11	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Vĩnh Thạnh	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
12	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Cờ Đỏ	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cờ Đỏ	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
13	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Thới Lai	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thới Lai	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
14	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số xã thuộc huyện Phong Điền	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Phong Điền	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
15	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số phường thuộc quận Thốt Nốt	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Thốt Nốt	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
16	Dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600mm một số phường thuộc quận Ô Môn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Ô Môn	C	2026-2030		75.000			75.000			75.000	
17	Dự án đầu tư các hệ thống giám sát khai thác nước tại các hệ thống cấp nước nông thôn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	các quận huyện	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
18	Nâng cao năng lực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Cần Thơ (Cơ sở 2)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Vĩnh Thạnh	C	2026-2030		46.800			46.800			46.800	
19	Bờ phải kênh Bò Ót (Từ cầu Bò Ót đến ngã ba vàm kênh Thắng Lợi	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		170.000			170.000			170.000	
20	Bờ Trái kênh Bò Ót (từ cầu Bò Ót ra Sông Hậu)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2026-2030		27.000			27.000			27.000	
21	Trên tuyến sông Hậu phía bờ phải (từ Cầu 3 tháng 2 đến Bến đò Trung Kiên)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		142.700			142.700			142.700	
III	**Y tế, dân số**						700.000	0	0	700.000	0	0	700.000	
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	UBND quận Ô Môn	Ô Môn		2026-2030		700.000			700.000			700.000	
IV	**Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới**						6.951.011	0	0	6.951.011	0	0	6.951.011	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
1	Xây dựng Khu tái định cư Thới An	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
2	Khu tái định cư An Bình (giai đoạn 2)	UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2026-2030		945.738			945.738			945.738	
3	Xây dựng Khu tái định cư Trường Lạc	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
4	Khu đô thị mới, tái định cư và chợ đầu mối nông sản tại phường Ba Láng, quận Cái Răng và xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cái Răng - Phong Điền	A	2026-2030		4.676.523			4.676.523			4.676.523	
5	Xây dựng Khu tái định cư Thới Hòa	UBND quận Ô Môn	Ô Môn	B	2026-2030		326.250			326.250			326.250	
6	Khu tái định cư Thới Thuận (giai đoạn 3)	UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2026-2030		350.000			350.000			350.000	
V	**Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**						**200.000**	**0**	**0**	**200.000**	**0**	**0**	**200.000**	
1	Xây mới, nâng cấp mở rộng các trường trên địa bàn quận, huyện theo các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	TP.Cần Thơ	B	2025-2026		200.000			200.000			200.000	
VI	**Quốc phòng, - An ninh và trật tự, an toàn xã hội**						**942.200**	**0**	**0**	**942.200**	**0**	**0**	**942.200**	
1	Trụ sở làm việc Công an phường Xuân Khánh thuộc Công an quận Ninh Kiều	Công an thành phố	Ninh Kiều	C	2026-2030		14.800			14.800			14.800	
2	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Phong Điền	Công an thành phố	Phong Điền	C	2026-2030		43.366			43.366			43.366	
3	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an huyện Cờ Đỏ	Công an thành phố	Cờ Đỏ	C	2026-2030		29.231			29.231			29.231	
4	Trụ sở làm việc Công an phường Trà Nóc thuộc Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		25.000			25.000			25.000	
5	Trụ sở làm việc đội Cảnh sát PCCC và CNCH Công an quận Bình Thủy	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		28.353			28.353			28.353	
6	Mở rộng trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Bình Thủy	C	2026-2030		32.500			32.500			32.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
7	Trụ sở làm việc Công an huyện Vĩnh Thạnh thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Công an thành phố	Vĩnh Thạnh	B	2026-2030		70.000			70.000			70.000	
8	Bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đất Trạm 23 (giải quyết tranh chấp)	Công an thành phố	Ninh Kiều	B	2026-2030		80.000			80.000			80.000	
9	Xây dựng, sửa chữa các vọng quan sát phòng không trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		10.050			10.050			10.050	
10	Mua sắm thiết bị thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		6.900			6.900			6.900	
11	Sửa chữa Trụ sở Bộ Chỉ huy	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cái Răng	C	2026-2030		14.500			14.500			14.500	
12	Trường bắn đồng bằng sông Cửu Long (gđ2)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Cờ Đỏ	B	2026-2030		261.900			261.900			261.900	
13	Đại đội Trinh sát Cơ giới	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Bình Thủy	B	2026-2030		126.600			126.600			126.600	
14	Khu huấn luyện 1 (gđ2)	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố	Phong Điền	B	2026-2030		199.000			199.000			199.000	
VII	**Văn hóa - Thể dục thể thao**						**481.000**	0	0	**481.000**	0	0	**481.000**	
1	Di tích lịch sử Địa điểm căn cứ Huyện ủy Ô Môn (1971-1975) (gọi tắt là Căn cứ Lò Mo)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thới Lai	C	2026-2030		6.000			6.000			6.000	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà Hát Tây Đô	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ninh Kiều	C	2026-2030		15.000			15.000			15.000	
3	Xây dựng Di tích Đặc uỷ ANCS Đảng Hậu Giang - mở rộng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bình Thuỷ	B	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích khảo cổ học Nhơn Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong Điền	B	2026-2030		120.000			120.000	0		120.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị đề xuất	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư						Dự kiến lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025	Nhu cầu	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							
							Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó: NSĐP						
								NSTW		Ngân sách địa phương	Bội chi ngân sách địa phương			
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
5	Công trình Xây dựng trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ tại Khu Hậu cứ Đoàn Cải lương Tây Đô (giai đoạn 1)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phong Điền	B	2026-2030		100.000			100.000			100.000	
6	Xây dựng Nhà hát lớn thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cái Răng	B	2026-2030		200.000			200.000			200.000	
VIII	**Thông tin, Công nghệ thông tin**						**80.000**	**0**	**0**	**80.000**	**0**	**0**	**80.000**	
1	Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT thiết yếu phục vụ triển khai Đề án 06	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
2	Dự án Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động chuyển đổi số thành phố Cần Thơ giai đoạn 2025-2030	Sở Thông tin và Truyền thông	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		40.000			40.000			40.000	
IX	**Tài nguyên, Môi trường**						**327.000**	**0**	**0**	**327.000**	**0**	**0**	**327.000**	
1	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố cần thơ (các đơn vị cấp xã, các cơ sở dữ liệu thành phần còn lại gồm: quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Cái Răng và huyện Phong Điền)	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	B	2026-2030		300.000			300.000			300.000	
2	Dự án Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhà Trạm và mua sắm vật tư tiêu hao, thay thế cho các Trạm quan trắc tự động, liên tục, cố định trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		17.000			17.000			17.000	
3	Dự án Tăng cường trang thiết bị quan trắc hiện trường và phân tích phòng thử nghiệm	Sở Tài nguyên và Môi trường	TP.Cần Thơ	C	2026-2030		10.000			10.000			10.000	

Phụ lục số VII

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm	Nhóm dự án	Thông tin dự án		Lũy kế vốn đã giải ngân đến năm 2025	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026-2030	Ghi chú
				Số quyết định	TMĐT			
	TỔNG SỐ				**218.267**	-	**218.267**	
I	**Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ**				**198.300**	-	**198.300**	
	Dự án khởi công mới				***198.300***	-	***198.300***	
1	Dự án Thay thế thiết bị y tế Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	C		19.445		19.445	
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	C		14.940		14.940	
3	Dự án Mua sắm thiết bị tin học	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	C		11.101		11.101	
4	Dự án Đầu tư và phát triển Khu điều trị theo yêu cầu (Khu D) Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	B		71.589		71.589	
5	Dự án Đầu tư, nâng cấp mua sắm thiết bị tin học của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	C		18.843		18.843	
6	Dự án Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Số 106,CMTT, P. Cái Khế, Q.NK, TPCT	C		62.382		62.382	
II	**Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ**				**19.967**	-	**19.967**	
***	***Dự án khởi công mới***				***19.967***	-	***19.967***	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế để phát triển chuyên môn phục vụ người bệnh giao đoạn 2026-2030	Ninh Kiều	C		19.967		19.967	

Thời gian ký: 02/10/2024 10:54:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 255 /TTr-UBND	*Cần Thơ, ngày 01 tháng 10 năm 2024*

TỜ TRÌNH
Về việc xin ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026-2030 (lần 1) với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026-2030

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của thành phố, phù hợp với quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023.

b) Vốn đầu tư công được tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ lớn, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Ưu tiên bố trí vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng mở rộng, xây dựng mới các khu tái định cư tại các địa phương theo các quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương được duyệt. Tiếp tục ưu tiên sử dụng nguồn vốn xổ số kiến thiết đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực Y tế, giáo dục đào tạo và dạy nghề.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách thành phố xây dựng các khu tái định cư nhằm thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các dự án trên địa bàn thành phố.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội,...

2. Về nguyên tắc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

Việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030, quy hoạch thành phố Cần Thơ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023. Trong đó chú trọng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định (nếu còn).

Không bố trí vốn cho chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định.

Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026-2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

a) Cơ sở dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn: Theo WB dự báo, nền kinh tế Việt Nam được tăng trưởng 5,5% trong năm 2024 và sẽ tăng lên 6% trong năm 2025. Dự báo này dựa trên giả định xuất khẩu các mặt hàng chế tạo sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2024 (tăng 3,5% theo giá so sánh, so cùng kỳ năm trước), khi nhu cầu trên toàn cầu từng bước được cải thiện. Thị trường bất động sản được dự

báo sẽ xoay chiều vào cuối năm 2024 và trong năm 2025 khi tình trạng đóng băng ở thị trường trái phiếu có dấu hiệu được giải tỏa. Ngoài ra, do tác động của biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế. Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến nguồn vốn được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu, số liệu dự báo của giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Tăng trưởng GRDP ở mức 7,5-8%/năm;

- Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng không quá 4%/năm;

- Chỉ số tăng thu ngân sách hàng năm tương đương với giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ số tăng vốn đầu tư công tăng bình quân cho cả giai đoạn khoảng 7%/năm (lấy năm gốc là năm 2024);

- Đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu vốn trở lên.

b) Nhu cầu và khả năng huy động các nguồn vốn:

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 5 năm 2026-2030:

Qua tổng hợp đề nghị của các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, tổng nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 76.404 tỷ đồng.

- Dự kiến vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:

Dự kiến tổng vốn đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là 56.781,850 tỷ đồng, tăng 12.481,289 tỷ đồng so với số vốn được giao của giai đoạn 2021-2025; đáp ứng 74,64% nhu cầu (giai đoạn 2016-2020 đáp ứng khoảng 60% nhu cầu). Dự kiến các nguồn vốn như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025	Dự kiến KHV năm 2026-2030	Số vốn tăng/giảm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	**44.300.561**	**56.781.850**	**12.481.289**	
A	**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**15.199.151**	**21.445.730**	**6.246.579**	
1	Vốn trong nước	12.483.100	16.134.380	3.651.280	
2	Vốn nước ngoài	2.716.051	5.311.350	2.595.299	
B	**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**29.101.410**	**35.336.120**	**6.234.710**	
1	Các nguồn vốn thuộc cân đối ngân sách	22.005.000	32.914.000	10.909.000	
2	Các nguồn vốn huy động khác	2.000.000	2.000.000	-	
3	Dự phòng NSTW 2020	120.000		(120.000)	
4	Chính phủ vay về cho địa phương vay lại	2.976.410	422.120	(2.554.290)	
5	Trái phiếu chính quyền địa phương	2.000.000		(2.000.000)	

- Dự kiến phân bổ như sau:

Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 56.781,850 tỷ đồng, dự kiến phân bổ như sau:

+ Nguồn vốn không phân chia là 23.867,850 tỷ đồng, gồm:

. Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

. Các nguồn vốn huy động khác ngoài cân đối: 2.000 tỷ đồng.

. Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn phân chia theo tiêu chí định mức là 32.914 tỷ đồng, gồm:

. Thành phố quản lý: 21.394,100 tỷ đồng.

. Quận, huyện quản lý[1]: 11.519,900 tỷ đồng (tăng 2.717,9 tỷ đồng so với giai đoạn 2021-2025).

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn do thành phố quản lý:

Dự kiến tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 do thành phố quản lý là 45.261,950 tỷ đồng, gồm:

. Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

. Ngân sách địa phương: 23.394,100 tỷ đồng (bao gồm 2.000 tỷ đồng dự kiến huy động ngoài cân đối).

. Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

- Dự kiến phân bổ chi tiết cho các dự án/nhiệm vụ đầu tư công

Dự kiến tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 do thành phố quản lý là 45.261,950 tỷ đồng, phân bổ như sau:

. Dự phòng (dành để bố trí cho các dự án cấp bách và các phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch, đặc biệt là các dự án phòng chống thiên tai, Quốc phòng – An ninh và các nhiệm vụ khác theo quy định): 1.000 tỷ đồng.

. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 100 tỷ đồng;

. Cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất thành phố: 500 tỷ đồng;

. Cấp vốn điều lệ cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 500 tỷ đồng;

. Bố trí vốn cho 117 dự án đầu tư công với số vốn là 43.161,950 tỷ đồng, gồm các lĩnh vực sau:

(1). Giao thông:

- Dự án chuyển tiếp: 05 dự án, số vốn bố trí là 11.155,843 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 07 dự án, số vốn bố trí là 17.757,769 tỷ đồng.

---

[1] Vốn tiêu chí định mức của quận, huyện tăng trên 31% so với giai đoạn 2021-2025, tương đương mức tăng chung của toàn thành phố

(2). Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản: 10 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 3.626,960 tỷ đồng.

(3). Y tế, dân số:

- Dự án hoàn thành, chuyển tiếp: 03 dự án, số vốn bố trí là 167,721 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 04 dự án, số vốn bố trí là 1.610,910tỷ đồng.

(4). Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 973,385 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 10 dự án, số vốn bố trí là 3.263,560 tỷ đồng.

(5). Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 521,916 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 06 dự án, số vốn bố trí là 1.884,683 tỷ đồng.

(6). Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

- Dự án chuyển tiếp: 01 dự án, số vốn bố trí là 73,040 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 19 dự án, số vốn bố trí là 770,324 tỷ đồng.

(7). Bảo tàng: 01 dự án chuyển tiếp, số vốn bố trí là 1,653 tỷ đồng.

(8). Xã hội: 03 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 300 tỷ đồng.

(9). Quốc phòng: 09 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 138,800 tỷ đồng.

(10). An ninh và trật tự, an toàn xã hội: 07 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 218,877 tỷ đồng.

(11). Văn hóa - Thể dục thể thao: 18 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 196 tỷ đồng.

(12). Khoa học, Công nghệ:

- Dự án chuyển tiếp: 02 dự án, số vốn bố trí là 57,602 tỷ đồng.

- Dự án khởi công mới: 01 dự án, số vốn bố trí là 30,163 tỷ đồng.

(13). Kho tàng: 01 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 30,5 tỷ đồng.

(14). Phát thanh, truyền hình, thông tấn: 01 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 50 tỷ đồng.

(15). Thông tin, Công nghệ thông tin: 03 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 149,187 tỷ đồng.

(16). Tài nguyên, Môi trường: 02 dự án khởi công mới, số vốn bố trí là 182,051 tỷ đồng.

4. Dự kiến kết quả đạt được

Với dự kiến phương án huy động vốn và phân bổ chi tiết nêu trên, trong giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ dự kiến đạt được một số kết quả như sau:

a) Về giao thông: Cơ bản hoàn chỉnh các dự án giao thông kết nối liên vùng, kết nối các khu công nghiệp tại Vĩnh Thạnh như: Đường Vành đai phía Tây thành

phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Quốc lộ 80); Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ; Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ; Đường tỉnh 920 (đoạn từ giao với đường Đặng Thanh Sử đến rạch Ô Môn) và nâng cấp mở rộng đường Đặng Thanh Sử; Xây dựng hoàn chỉnh đường Nguyễn Văn Cừ nối dài giai đoạn 2 (đoạn từ Mỹ Khánh đến Phong Điền), thành phố Cần Thơ; Đường dẫn vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2),...

b) Về hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, khu đô thị mới: Đầu tư xây dựng mở rộng, xây dựng mới 11 khu tái định cư. Mỗi địa phương được đầu tư từ 1 đến 2 khu, đảm bảo quỹ nền tái định cư cho người dân trong vùng ảnh hưởng dự án.

c) Hoàn thành dự án Khu trung tâm Văn hóa Tây Đô (giai đoạn 1), trong đó là đầu tư hạ tầng phục vụ xây dựng Khu hành chính thành phố; Quảng trường thành phố và các công trình công cộng khác phục vụ người dân.

Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chủ đầu tư rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung danh mục dự án và mức vốn theo số thông báo của trung ương, đảm bảo đúng quy định, sát hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến để làm cơ sở báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định./.

(Đính kèm dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố)

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- UBND TP (1);
- Ban thuộc HĐND TP;
- Sở: KH&ĐT, TC;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT. PVC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày tháng 10 năm 2024*

ĐỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ (lần 1)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xin ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1); Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (lần 1), với một số nội dung chủ yếu như sau:

Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 thành phố Cần Thơ là 56.781,850 tỷ đồng, trong đó như sau:

1. Ngân sách trung ương: 21.445.730 tỷ đồng (trong đó, vốn trong nước là 16.134.380 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 5.311,350 tỷ đồng).

2. Ngân sách địa phương: 35.336.120 tỷ đồng, gồm:

- Các nguồn vốn phân thuộc cân đối ngân sách: 32.914 tỷ đồng

- Các nguồn vốn huy động khác ngoài cân đối: 2.000 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho địa phương vay lại): 422,120 tỷ đồng.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Đồng thời, có trách nhiệm theo dõi, hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định và theo dõi khi số vốn được trung ương thông báo chính thức, hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ.... thông qua ngày ... tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HĐ,250.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiểu